

HỘI HỢP TÁC TRUYỀN GIÁO QUỐC TẾ TRƯỜNG CAO ĐẲNG THÁNH KINH



MINI BIBLE COLLEGE

QUYỂN 5

Gióp, Thi Thiên Châm Ngôn, Truyền Đạo, Nhã Ca

DICK WOODWARD

CÁC SÁCH THI VĂN

Trong bài học này, chúng ta bắt đầu nghiên cứu về năm sách thi văn của Cựu ước, đó là các sách: Gióp, Thi thiên, Châm ngôn, Truyền đạo và Nhã ca (các bài ca của Salômôn). Các sách thi văn cũng được xếp loại là “Các Sách Khôn Ngoan”, để phân biệt với các sách luật pháp, lịch sử và tiên tri trong Cựu ước.

Các sách thi văn được kể trong phần Kinh thánh được linh cảm, vì thi văn là ngôn ngữ của tấm lòng. Đức Chúa Trời biết tâm quan trọng của những điều Kinh thánh đề cập có liên quan đến tấm lòng của dân sự Ngài. Trong phần Kinh thánh này, Đức Chúa Trời nói với những người có tâm trạng đang chịu khổ (sách Gióp), thờ phượng (Thi thiên), đối đầu từng ngày với sự căng thẳng trong hôn nhân, gia đình, cha mẹ, bên ngoài xã hội (Châm ngôn), nghi ngờ (Truyền đạo), và ngay cả khi đang biểu lộ niềm vui riêng tư về mặt thuộc thể giữa vợ chồng (Nhã ca).

Đức Chúa Trời bày tỏ sức sống của Ngài liên quan đến tấm lòng chúng ta khi Ngài cảm thúc viết năm sách này, thư viện thánh thi, ngôn ngữ của tấm lòng. Khi đọc năm sách thi văn này, chúng ta cảm nhận ngón tay của Đức Chúa Trời đang chạm đến tấm lòng— con người bề trong của chúng ta – lúc đó, chắc chắn chúng ta sẽ có đức tin chân thật và được thay đổi vì chính mình đã kinh nghiệm Đức Chúa Trời. Đó là lý do vì sao Đức Chúa Trời ban cho chúng ta năm sách thi văn này.

Chương 1

SÁCH GIÓP

Sách đầu tiên của thi văn cho thấy cuộc sống đầy khó khăn, và chúng ta có thể bị phủ vây trong sự đau buồn và bối rối. Dân sự của Đức Chúa Trời luôn gặp sự đau khổ. Nhiều tín hữu đã từng chịu đau đớn và chết vì cơ đức tin của họ vào cuối Thế chiến thứ hai, nhiều hơn bất cứ giai đoạn nào trong toàn bộ lịch sử Hội thánh. Những gì trong quyển sách cổ nhất của Kinh thánh cho chúng ta biết sự bất bở, khổ nạn là điều không thể tránh khỏi, nhưng có cảm thấy khốn khổ hay không là tùy thuộc chúng ta. Sách Gióp là sử điệp của Đức Chúa Trời gửi đến cho những tấm lòng dân sự của Ngài khi họ đang bị tổn thương.

Nhiều học giả đồng ý rằng sách Gióp được viết trong thời kỳ các tộc trưởng. Khi đọc sách Gióp, chúng ta biết ông sống một trăm bốn mươi năm sau khi chịu khổ rồi mới qua đời “*Sau việc ấy, Gióp còn sống một trăm bốn mươi năm; người thấy các con trai, cháu, chít mình đến đời thứ tư. Rồi Gióp qua đời tuổi cao tác lớn*” (Gióp 42:16-17). Sự trường thọ của ông tương đương với tuổi của những người chúng ta đọc thấy trong sách Sáng thế ký.

Hình Thức Văn Chương Trong Sách Gióp.

Sự thắc mắc về hình thức văn chương trong sách Gióp được giải đáp khi chúng ta nhìn thấy vị trí sách này được đặt trong thư viện thánh thi của Kinh thánh. Đây là một trong những sách thi văn lớn nhất được viết ra. Sách Gióp có thể và thật sự được trình bày như một vở kịch. Hãy suy nghĩ về sử điệp uyên thâm này của Đức Chúa Trời đến với tấm lòng đau thương qua vở kịch có ba hồi. Khi hồi một mở màn, cảnh đầu tiên chúng ta thấy là bối cảnh của một câu chuyện xa xưa trong Kinh thánh.

HỒI MỘT: SỰ SẮP ĐẶT

Trong cảnh thứ nhất của hồi một, giữa Đức Chúa Trời và Satan đang có một cuộc đối thoại về một người đàn ông tên là Gióp. Cảnh đầu tiên này dạy chúng ta một lẽ thật sâu sắc về cuộc chiến giữa thiện và ác. Điều ác là hiện thân của Satan, là kẻ không thừa nhận việc Gióp được xưng là một người trọn vẹn vì sự công bình của ông. Đức Chúa Trời đáp lại sự phản đối này với điều mà thần học gọi là “sự cho phép xảy ra của Đức Chúa Trời”. Đức Chúa Trời cho phép ma quỷ hành động trong giới hạn. Ngài cho phép ma quỷ lấy đi mọi thứ của Gióp, kể cả mười người con của ông. Satan buộc tội Gióp công bình vì Đức Chúa Trời đã chúc phước cho ông được giàu sang tột bậc. Hấn cũng lý giải rằng nếu Đức Chúa Trời cho phép hấn cướp đi tất cả các phước hạnh, thì Gióp sẽ rửa sả Đức Chúa Trời.

Khi được phép của Đức Chúa Trời, cùng với kế hoạch nham hiểm của Satan, Gióp đã mất bảy con trai và ba con gái, bảy ngàn chiên, ba ngàn lạc đà, một ngàn con bò, năm trăm con lừa và nhiều tôi tớ.

Dù phải chịu đựng sự mất mát lớn lao, Gióp không hề rửa sả hoặc oán trách Đức Chúa Trời. Gióp tuyên bố: “*Tôi trần truồng lọt khỏi lòng mẹ, và tôi cũng sẽ trần truồng mà về; Đức Giêhôva đã ban cho, Đức Giêhôva lại cất đi; đáng ngợi khen danh Đức Giêhôva! Trong mọi sự ấy, Gióp không phạm tội, và chẳng nói phạm thượng cùng Đức Chúa Trời*” (Gióp 1:21-22). Khổng tử đã nói: “Chúng ta đến thế gian này với đôi bàn tay nắm chặt, muốn có mọi thứ, và khi chúng ta lìa thế gian này với đôi bàn tay mở ra, chẳng có gì cả”. Gióp muốn nói với chúng ta rằng ông được sinh ra với đôi bàn tay mở ra. Mọi tài sản được Đức Chúa Trời đặt vào tay ông— Ngài không bao giờ nắm tay ông lại. Tài sản này là của Đức Chúa Trời khi Ngài đặt chúng vào và vẫn là của Đức Chúa Trời khi Ngài cất đi bất cứ lúc nào, theo thời điểm của Ngài.

Gióp vượt qua sự thử thách đầu tiên một cách tuyệt vời! Trong một chừng mực nào đó, chúng ta có thể cho rằng Gióp sai lầm khi ông nói Đức Chúa Trời đã cất các con và tài sản của ông đi. Chúng ta nhận xét như vậy vì đã được biết mặt trái của vấn đề: Chính Satan là kẻ cướp đi mọi tài sản của Gióp.

Hãy xem Gióp bị cướp mất tài sản như thế nào. Ông mất mười người con bởi một cơn gió nóng, hoặc bão từ sa mạc thổi tung nhà của người con cả, đè xuống trên họ. Ông mất bảy chiên và những người chăn do “lửa từ trời”, có thể là do sét đánh. Các công ty bảo hiểm gọi các sự kiện này là “thiên tai”. Chúng ta biết đây không phải là thiên tai mà do hành động của Satan, với sự cho phép của Đức Chúa Trời, nhưng Gióp không biết điều đó.

Đức Chúa Trời và Satan lại có một cuộc đối thoại khác về Gióp. Lần thứ hai, Đức Chúa Trời lại xưng ông là một người công bình gương mẫu. Một lần nữa, Satan lại xuyên tạc động cơ khiến Gióp trở thành công bình. Satan lý giải rằng Gióp sẽ rửa sả Đức Chúa Trời nếu Ngài cho phép nó làm đau đớn trên thân thể Gióp. Đức Chúa Trời cho phép, song giới hạn là không được cướp đi sinh mạng của Gióp. Bạn có thể nói rằng Đức Chúa Trời cho phép Satan làm đau đớn thể xác của Gióp để xác định mức chịu đựng của ông— sự chịu đựng trong một mức độ cao nhất có thể chịu được mà vẫn không làm mất tính mạng của nạn nhân. Gióp chịu đau đớn trong một chứng bệnh kinh khủng. Các học giả cho rằng bệnh đó giống như bệnh chân voi, một chứng bệnh ung thư làm cho da thịt của bạn trở nên giống như da voi khiến bạn đau đớn do sự sần sùi, lở loét chạy dọc thân thể. Gióp chịu đau đớn hơn mức một người bình thường có thể chịu đựng mà vẫn không chết.

Gióp không mất tự chủ khi gặp thử thách lần thứ hai này. Vợ Gióp bảo ông hãy rửa sả Đức Chúa Trời và chết đi. Ông trả lời: *“Người nói như một người đàn bà ngu muội. Ừa sao! Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?”* (Gióp 2:10). Về cơ bản, Gióp đã hỏi: “Người công bình trông đợi Đức Chúa Trời ban cho điều gì?”

Phần chủ yếu nhất trong sách Gióp được trình bày qua câu hỏi của Gióp đã hỏi vợ mình. Ngay trước khi hạ màn kết thúc hồi một, Gióp được ba người bạn thông thái đến thăm (Gióp 2:11). Họ cùng đến để an ủi Gióp. Giống như Gióp, họ là những người trưởng thành và được kể vào hàng những người khôn ngoan và kính sợ Đức Chúa Trời. Ngày nay, họ được gọi họ là những nhà triết học và thần học. Họ rất cảm

thương về sự biểu hiện đau đớn trên thân thể Gióp, họ ngồi yên lặng với ông suốt trong bảy ngày (sau này, Gióp cho họ biết rằng tuần lễ im lặng này là phương pháp chữa bệnh đau buồn tốt nhất). Tầm màn hồi một hạ xuống với cảnh Gióp ngồi giữa vòng im lặng của ba người bạn.

HỒI HAI:

CHIA SẺ

Khi hồi hai mở màn, chúng ta được giới thiệu về ba người bạn của Gióp là Êlipha, Bînhdát và Sôpha. Khi họ ngồi với Gióp trong sự yên lặng đầy đau buồn suốt bảy ngày đầu trong chuyến thăm viếng, họ là những người an ủi mẫu mực, đem lại sự an ủi cho Gióp một cách đơn giản qua sự hiện diện của mình. Khi người ta đau buồn, thì sự hiện diện của bạn bè còn cần thiết hơn cả lời nói.

Tuy nhiên, những người bạn của Gióp không còn là sự an ủi nữa khi họ bắt đầu đề cập đến sự đau buồn của ông. Gióp mở màn hồi này với một bài giải luận, mà tôi gọi là “chia sẻ”, trong đó ông rửa sả ngày ông sinh ra và cái đêm mà ông được thai dục. Ông không rửa sả Đức Chúa Trời như Satan mong muốn. Mô hình cho phân đoạn dài nhất trong sách này là sau khi Gióp trình bày bài giải luận mở đầu, thì một trong những người bạn đó sẽ trình bày phần giải luận của mình, bác bỏ lời giải luận của Gióp. Họ luân phiên giải luận gần ba lần.

Êlipha tuyên bố rằng ông nhận được lời phán truyền trực tiếp từ Đức Chúa Trời, một kinh nghiệm thuộc linh khá chủ quan, rằng con người có mặt trên đất này là nhờ sự thương xót của Đức Chúa Trời công bình. Qua sự mặc khải trực tiếp của Đức Chúa Trời, ông có thể nói với Gióp cách mạnh mẽ rằng sự đau đớn của Gióp là do tội lỗi ở trong ông (Gióp 4: 12-21). Bînhdát kết luận rằng Gióp chịu đau đớn và các con ông bị chết là vì tội lỗi của các con ông (8:1-7), ông cũng cho rằng Gióp là một tội nhân. Sôpha là một người theo thuyết bất khả tri, và kiên định với thuyết bất khả tri của mình. Ông lý luận rằng người ta có thể không biết tại sao mình phải chịu khổ, nhưng cũng nói rằng chiêm nghiệm nó là điều khôn ngoan và tin kính. Ông đồng quan điểm với các bạn rằng nguồn gốc sự đau khổ của Gióp là do tội lỗi. Cả ba “người an ủi” này đều thúc giục Gióp hãy ăn năn.

Tóm tắt các bài giải luận này, Gióp và các bạn của ông đã thảo luận về câu Gióp đã hỏi vợ mình: “Một người công bình trông đợi Đức Chúa Trời ban cho điều gì?” Tất cả đều đồng ý rằng Đức Chúa Trời ban những điều tốt lành cho người công bình và ban điều ngược lại cho người gian ác. Tình thế khó xử của họ là Gióp, hiện thân là người công bình, song Đức Chúa Trời lại giáng tai họa trên ông. Sự bất đồng gay gắt xảy ra khi họ cố gắng giải thích tình thế khó xử này.

Qua lời bàn luận, các bạn đồng ý rằng Gióp không phải là người công bình. Bề ngoài tỏ ra là một người công bình nhưng thật ra Gióp có tội lỗi giấu kín bên trong. Một người trong bọn họ đã gọi Gióp là người ảo tưởng và bảo rằng việc Đức Chúa Trời hình phạt Gióp thực tế hơn việc ông được khen thưởng. Người khác thì tin rằng đó là do tội của các con ông nên Đức Chúa Trời đã cất mạng sống chúng đi và trừng phạt Gióp bằng sự đau đớn khủng khiếp. Tất cả hối thúc Gióp hãy xưng tội và ăn năn. Bạn có thể thấy rõ là những lời giải luận của họ không an ủi Gióp chút nào.

Trong lời giải luận của mình, Gióp khẳng định ông là một người công bình. Ông dựa theo giáo luật để tin chắc mình là một người công bình đến nỗi ông nghi vấn về sự công bình của Đức Chúa Trời khi Ngài giáng nỗi đau khổ trên ông. Cuộc đối thoại này chấm dứt khi những người an ủi Gióp cho rằng họ không thể nào thuyết phục được ông nhìn nhận mình là một tội nhân.

Mặc dù các bạn của Gióp là những người thuộc linh và có học vấn, nhưng thật ra sau đó, Đức Chúa Trời đã phán với họ: “*Cơn thanh nộ Ta nổi lên cùng ngươi và hai bạn hữu ngươi; bởi vì các ngươi không có nói về Ta cách xứng đáng, y như Gióp, kẻ tôi tớ Ta, đã nói*” (Gióp 42:7-9). Sau đó Gióp đã nói chuyện với Đức Chúa Trời trong cơn gió lốc, chúng ta nghe tiếng Gióp, là người đã từng khẳng định cho rằng mình là một người công bình trong cuộc đối thoại với các bạn, ông nói rằng ông là một người gớm ghê (42:6). Khi chúng ta đọc các lời luận của bạn Gióp, chúng ta nên nhớ rằng đến cuối sách, Đức Chúa Trời phán bảo với họ là mọi điều họ nói về Gióp và về Ngài đều sai. Khi bạn đọc đến lời luận của Gióp, liên quan đến lời tuyên bố về sự công bình riêng, hãy nhận biết rằng, đến cuối sách, khi Gióp nhìn thấy Đức Chúa

Trời và cảm biết mình vô cùng gớm ghê, thì hạ mình xuống và ăn năn trong tro bụi. Bạn hãy tự vấn: “Tại sao Gióp thấy mình gớm ghê, và ông ăn năn về điều gì?”

Khi các bạn của Gióp biết là họ không thể thuyết phục được Gióp đồng ý tội lỗi là nguyên nhân của sự đau khổ và lúc Gióp đã cạn lời, thì màn hạ xuống, kết thúc hồi hai.

HỒI BA:

GIẢI PHÁP

Khi hồi ba mở màn, Gióp và các bạn của ông vẫn còn ngồi vòng quanh và lại có thêm một người nữa. Tên của người này là Êlihu, người trẻ tuổi hơn rất nhiều so với Gióp và các bạn của ông. Người thanh niên này giải thích rằng anh đã cố nín nhịn không nói vì anh còn trẻ so với họ là những người cao tuổi hơn. Tuy nhiên, có hai lý do khiến anh quyết định phải nói. Trước hết, anh nhận thức rằng sự khôn ngoan đến từ Đức Thánh Linh bất chấp tuổi tác. Lý do thứ hai khiến anh lên tiếng là vì anh nhận ra rằng họ không bao giờ giải quyết được tình trạng khó xử do họ đã đặt câu hỏi sai.

Đáp án cho tình trạng khó xử về sự đau khổ của Gióp được tìm thấy trong lời giải luận của Êlihu và phần đáp lời của Gióp. Điểm trọng tâm trong lời luận của Êlihu, anh nói Gióp hãy ngược mắt lên và nhận biết quan điểm của Đức Chúa Trời trên sự đau khổ của ông. Theo như những điều chàng thanh niên này được soi dẫn, câu hỏi mà Gióp hỏi vợ mình là một câu hỏi sai, vì nó đặt Gióp làm căn nguyên của sự đau khổ. Êlihu đã thay thế câu hỏi sai đó bằng một câu hỏi đúng: “*Ông đã nói rằng: Tôi vốn công bình hơn Đức Chúa Trời; Lại nói: Tôi sẽ dựng lời gì? Nhược bằng chẳng phạm tội, Tôi há sẽ được ích hơn chăng? Chớ thì ông tưởng lời ấy có lý sao? Tôi sẽ đáp lại ông, và các bạn hữu của ông nữa. Hãy ngược mắt lên xem các tầng trời; Hãy coi áng mây, nó cao hơn ông. Nếu ông đã phạm tội, có hại chi cho Đức Chúa Trời chăng? Nếu các sự vi phạm ông thêm nhiều, có can gì với Ngài? Nếu ông công bình, ông sẽ ban gì cho Ngài? Ngài sẽ lãnh điều gì bởi tay của ông?*” (Gióp 35:2-7).

Nếu xem bạn chính là căn nguyên của sự đau khổ và đặt câu hỏi: “Đức Chúa Trời sẽ đem điều gì đến cho tôi?” là đã hỏi một câu hỏi sai và gây ra sự lầm lẫn trong mối thông công với Đức Chúa Trời. Điều tối hậu của con người là làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều đó có nghĩa là chúng ta hãy đặt Đức Chúa Trời trước sự đau khổ của chúng ta, và trong đời sống, chúng ta luôn tự vấn: “Tôi đang đặt điều gì vào trong tay Chúa?”

Hãy nhớ lời buộc tội của Satan rằng Gióp là người mà ngày nay chúng ta gọi là tín đồ thực dụng. Giống như một số người theo Chúa Jêsus vì bánh và cá, Gióp đã nhận được điều ông muốn khi ông sống cuộc sống công bình. Từ lúc đầu, tôi đã hỏi rằng: “Tại sao Gióp cảm biết mình xấu xa và hạ mình xuống khi gặp Đức Chúa Trời?” và “Ông ăn năn về điều gì?” Tôi tin rằng Gióp đã nhận thức được qua lời giải luận của Êlihu: Ông đặt sự công bình của chính mình làm trung tâm trong mối thông công với Đức Chúa Trời. Ông không nhận thức được điều đó cho đến khi Đức Chúa Trời dùng sự đau khổ để tỏ cho ông biết. Lúc ấy, ông thấy rằng mình đã vạ lợi Đức Chúa Trời, vì vậy, ông gớm ghê chính mình và ăn năn trong tro bụi.

Mặc dù Gióp bất đồng gay gắt với lời giải luận của những người an ủi, nhưng ông lại chấp nhận ý kiến của chàng thanh niên này. Ông làm theo lời khuyên của chàng. Ông nhìn lên và thấy Đức Chúa Trời trong cơn gió lốc.

Gióp và Đức Chúa Trời trò chuyện với nhau một lúc và sau đó, ông công bố: “*Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, Nhưng bây giờ, mắt tôi đã thấy Ngài: Vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi, và ăn năn trong tro bụi*” (Gióp 42:5-6).

Sau khi Gióp ăn năn, Đức Chúa Trời đã quở trách những người bạn của Gióp. Lúc ấy, Gióp cầu nguyện cho các bạn của ông. Khi Gióp cầu nguyện cho các bạn rồi, Đức Chúa Trời ban tài sản lại cho Gióp gấp đôi. Lúc tấm màn hồi ba hạ xuống, thì Đức Chúa Trời đã ban cho Gióp giàu có bội phần và cũng được ban cho bảy con trai và ba con gái.

Áp Dụng Cá Nhân

Sách đầu tiên trong năm sách thi văn này là Lời được cảm thức dành cho những tấm lòng đau thương. Trong một chiều hướng nào đó, câu chuyện về sự đau khổ này có thể được xem là một minh họa sống động về một trong những phước hạnh mà Chúa Jêsus đã dạy trong bài giảng trên núi: “*Phước cho những kẻ than khóc, vì sẽ được yên ủi!*” (Mathiơ 5:4). Thông thường, lời dạy dỗ ở Tân ước được áp dụng và minh họa từ trong Cựu ước. Trong Tân ước, Chúa Jêsus ban cho chúng ta một sự dạy dỗ sâu xa chỉ với một câu, nhưng cả sách Gióp áp dụng lẽ thật này cho một hoàn cảnh đặc biệt và đưa ra ba bước để chúng ta có thể tìm được sự an ủi và phước hạnh mà Chúa Jêsus hứa cho người đang than khóc. Các bước đó là:

- **Bước một:** Hãy để sự than khóc đưa bạn đến chỗ mà có lẽ là lần đầu tiên trong đời sống, bạn đặt một câu hỏi đúng. Hãy xem Gióp đã làm gương như thế nào về việc này cho chúng ta. Khi đọc sách này, hãy xem cách Gióp được dẫn dắt vào sự đau đớn đến nỗi phải hỏi những câu hỏi như: “*Đức Chúa Trời có thấy những điều xảy ra cho tôi không? Nếu sự hy vọng duy nhất của tôi là sự chết thì đâu là sự trông cậy của tôi? Con người là chi mà Ngài thử luyện và nhớ đến nhiều như vậy? Tại sao Đức Chúa Trời đem tôi ra khỏi lòng mẹ? Tôi có năng lực để tự giúp mình không? Nhưng loài người chết, thì nằm tại đó; loài người tắt hơi, thì đã đi đâu? Nếu loài người chết, có được sống lại chăng?*” (14:10,14). Đây là những câu hỏi mẫu mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta tự vấn trong khi chịu đau khổ và than khóc.

- **Bước hai:** Hãy để cho sự than khóc đưa bạn đến chỗ lắng nghe được câu trả lời của Đức Chúa Trời cho những câu hỏi đúng này. Gióp đã hỏi Đức Chúa Trời “Nếu loài người chết, có sống lại được chăng?” Đức Chúa Trời trả lời câu hỏi đó khi Ngài ban gấp đôi tài sản cho Gióp. Hãy chú ý điểm Đức Chúa Trời ban gấp đôi gia súc nhưng bản thân gia đình Gióp thì không tăng gấp đôi, ông chỉ được ban cho bảy con trai và ba con gái, trong khi Ngài ban cho gấp đôi những thứ tài sản khác.

Điều đó được giải thích rằng khi loài vật chết, thì chúng chết luôn, nhưng khi các con trai và các con gái chết, chúng vẫn ở trong tình

trạng bất diệt. Để ban cho gấp đôi các con của Gióp, Đức Chúa Trời chỉ cần ban thêm bảy con trai và ba con gái. Trong lãnh vực đời đời, Gióp có mười bốn con trai và sáu con gái. Đó là cách trả lời của Đức Chúa Trời cho câu hỏi của Gióp: “Nếu loài người chết, có sống lại được chăng?”

Trong Kinh thánh, bạn sẽ tìm được rất nhiều câu trả lời cho câu hỏi này, giống như cách Đức Chúa Trời trả lời cho Gióp, Thi thiên 23 và trong Tân ước, Chúa Jêsus phán bảo cho chúng ta về sự sống lại của Ngài và sự sống, hầu cho hễ ai tin nơi Ngài sẽ không bao giờ chết (Giăng 11:25-26). Khi đọc Kinh thánh bạn sẽ tìm được rất nhiều câu trả lời tuyệt diệu của Đức Chúa Trời cho những câu hỏi đúng. Tìm kiếm chúng trong tinh thần cầu nguyện và lắng nghe một cách cẩn thận để Đức Chúa Trời hướng dẫn bạn đến những câu trả lời tuyệt diệu trong lời Ngài.

- **Bước ba:** Hãy để cho sự than khóc đưa bạn đến chỗ tin cậy vào câu trả lời của Đức Chúa Trời cho câu hỏi đúng. Khi bạn đặt câu hỏi đúng, hãy lắng nghe câu trả lời của Đức Chúa Trời, và tin cậy vào Ngài, bạn sẽ khám phá phước hạnh và sự an ủi mà Chúa Jêsus đã hứa cho người than khóc. Kinh thánh gọi phước hạnh và sự an ủi đó là “Sự cứu rỗi”.

Chương 2

BA MƯƠI NGUYÊN DO THEO KINH THÁNH VÌ SAO CON DÂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CHỊU ĐAU KHỔ

Trải qua hàng ngàn năm, con dân của Đức Chúa Trời vẫn băn khoăn “Vì sao người công bình phải chịu đau khổ?” Sách Gióp là một quyển sách trả lời thấu đáo và toàn diện nhất cho câu hỏi đó, dù vậy sách Gióp không phải là câu trả lời duy nhất mà bạn tìm được trong Kinh thánh. Từ Sáng thế ký cho đến Khải huyền, bạn sẽ thấy rằng sự chịu đau khổ của con dân Đức Chúa Trời đã được đề cập đến trong lời của Ngài. Trong chương này, tôi sẽ đề cập một cách thật ngắn gọn về ba mươi điều mà Kinh thánh giải thích về sự chịu đau khổ.

1. Sự đau khổ dạy chúng ta rằng chính Đức Chúa Trời là nguồn của mọi sự an ủi.

Một ý tưởng đã đem đến cho Phaolô sự an ủi khi ông chịu đựng sự bất bố gay gắt ở tại Asi: “Chúc tạ Đức Chúa Trời, Cha Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, là Cha hay thương xót, là Đức Chúa Trời ban mọi sự yên ủi” (II Côrinhtô 1:3). Sự đau khổ của Phaolô giúp ông khám phá Đức Chúa Trời luôn ở đó và an ủi ông. Ông thách thức chúng ta hãy khám phá giống như thế khi chúng ta chịu khổ.

2. Sự đau khổ huấn luyện, trang bị, và sửa soạn chúng ta để an ủi người khác.

Phaolô tiếp tục ý tưởng mà ông đã bắt đầu trong đoạn văn tham khảo bằng lời viết: “Ngài yên ủi chúng tôi trong mọi sự khốn nạn, hầu cho nhân sự yên ủi mà Ngài đã yên ủi chúng tôi, thì chúng tôi cũng có thể yên ủi kẻ khác trong sự khốn nạn nào họ gặp!” (II Côrinhtô 1:4). Nhà truyền giáo giống như một người ăn mỳ nói với người ăn mỳ khác về nơi có thức ăn. Một người có ơn an ủi là người đã từng bị tổn thương nói với người bị tổn thương khác về sự an ủi mình tìm được ở đâu. Khi chúng ta khám phá sự an ủi có thể tìm được nơi Đức Chúa Trời, thì chúng ta trở nên một người có ơn trong chức vụ an ủi. Chỉ có người nào trải qua sự đau khổ mới có thể khám phá ra sự an ủi đến từ Đức

Chúa Trời, thì mới có thể nói cho người có lòng bị tổn thương khác Nguồn an ủi đến từ đâu.

3. Sự đau khổ dẫn chúng ta tìm đến sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Theo Giacô, khi sự đau khổ đưa chúng ta đến chỗ không còn biết phải làm gì, chúng ta có thể cầu xin sự khôn ngoan mà chúng ta không có: “*Ví bằng trong anh em có kẻ kém khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời, là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi, không trách móc ai, thì kẻ ấy sẽ được ban cho*” (Giacô 1:5). Giacô quả quyết với chúng ta rằng Đức Chúa Trời sẽ đổ đầy trên chúng ta sự khôn ngoan mà chúng ta cần.

4. Sự đau khổ dẫn chúng ta đến sự trưởng thành thuộc linh.

Giacô dạy chúng ta rằng sự đau khổ khiến cho chúng ta: “*vì biết rằng sự thử thách đức tin anh em sanh ra sự nhịn nhục. Nhưng sự nhịn nhục phải làm trọn việc nó, hầu cho chính mình anh em cũng trọn lành toàn vẹn, không thiếu thốn chút nào*” (Giacô 1:3-4). Sự thử thách đức tin đưa chúng ta đến sự tin cậy trong đức tin, sự tin cậy trong đức tin dẫn chúng ta đến sự đắc thắng trong đức tin hoặc “*Mão triều thiên sự sống*”(12).

5. Sự đau khổ đưa chúng ta đến gần ân điển của Đức Chúa Trời.

Khi Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan cho chúng ta, vì chúng ta không biết phải làm gì với sự ban cho đó, nên chúng ta cần ân điển của Đức Chúa Trời hầu có thể sử dụng sự khôn ngoan của Ngài. Phaolô viết: “*Đức Chúa Trời có quyền ban cho anh em đủ mọi thứ ơn đầy dẫy, hầu cho anh em hằng đủ điều cần dùng trong mọi sự, lại còn có rỗi rộng nữa để làm các thứ việc lành*”(II Côrinhtô 9:8). Tất cả mọi ân điển đều thuộc về bạn, mọi sự đầy đủ, mọi vật, sự dư dật, mọi việc lành. Không có gì ngạc nhiên khi Phaolô bảo chúng ta rằng hãy vui mừng trong sự đau khổ, điều đó sẽ giúp chúng ta khám phá kho tàng của sự khôn ngoan và ân điển này.

6. Sự đau khổ sinh ra đặc tính thuộc linh.

Sự đau khổ sinh ra phẩm chất thuộc về cá tính trong chúng ta, song nó sẽ không hoạt động khi không gặp khó khăn: “*Nào những thế thôi,*

nhưng chúng ta cũng khoe mình trong hoạn nạn nữa, vì biết rằng hoạn nạn sanh sự nhịn nhục, sự nhịn nhục sanh sự rèn tập, sự rèn tập sanh sự trông cậy” (Rôma 5:3-5). Những từ ngữ như sự nhịn nhục và sự tôi luyện diễn tả điều mà chúng ta có thể gọi là: “khả năng tồn tại”. Đây là đặc tính tiêu biểu mà nó tồn tại, và cứ tồn tại dù là khó khăn đến đâu. Đó là cách mà quả cam vẫn là quả cam. Nó tồn tại ở đó, gắn liền với cây cho đến khi nó là một quả. Sự đau khổ có thể làm phát triển lãnh vực quan trọng này của đặc tính thuộc linh.

7. Khi chúng ta chịu đau đớn trong tuổi thơ, thì sẽ được mạnh mẽ lúc trưởng thành.

Ca Thướng 3:27 dạy chúng ta: “*Thật tốt cho người mang ách lúc trẻ thơ*”. Khi trẻ thơ chịu hoạn nạn thử thách, chúng sẽ phát triển sức mạnh và sự kiên quyết cần có để chịu đựng thử thách lâu dài khi trưởng thành.

8. Sự đau khổ huấn luyện người rao giảng Tin Lành.

Phaolô viết rằng sự chịu khổ là một phương cách để chúng ta chứng tỏ mình là người hầu việc Đức Chúa Trời: “*Nhưng chúng tôi làm cho mình đáng trượng trong mọi sự, như kẻ hầu việc Đức Chúa Trời, bởi lòng nhịn nhục lắm trong những sự hoạn nạn thiếu thốn, khổ nhọc*”(II Côrinhtô 6:4). Để rồi qua đó Đức Chúa Trời mong muốn chúng ta đáp ứng: “*bởi sự thanh sạch, thông biết, khoan nhẫn, nhân từ*” và chúng ta tìm được nguồn gốc của sự đáp ứng đó “*Bởi Đức Thánh Linh, bởi lòng yêu thương thật tình, bởi lời chân thật, bởi quyền phép Đức Chúa Trời*”(6-7^a). Sự chịu khổ là động lực Đức Chúa Trời dùng để thiết lập “trường đào tạo” huấn luyện những người rao giảng Tin lành.

9. Sự đau khổ sinh ra “những cột mốc phép lạ” trong hành trình đức tin.

Khi Đavít cầu xin sự giải cứu trong cơn khủng hoảng (Thi thiên 3:1-6), ông cầu nguyện với đức tin và sự quả quyết đã được tôi luyện, vì ông nhận biết sự thành tín của Đức Chúa Trời trong cơn khủng hoảng trước đây. Mỗi khi chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời ở với mình trong cơn khủng hoảng, chúng ta tiếp lấy được “cột mốc phép lạ”, nhờ đó tăng thêm sức mạnh và năng lực của đức tin trong hiện tại và tương lai.

10. Sự đau khổ dọn đường cho sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Êsai rao giảng rằng cuộc đời của Đấng Mêsi là một xa lộ mà qua đó Đức Chúa Trời đem sự cứu rỗi vào thế gian: “Mọi nơi sũng thấp sẽ được cao lên; mọi núi mọi gò sẽ bị hạ xuống: các nơi gập ghềnh sẽ làm cho bằng, các nơi dốc hãm sẽ làm thành đồng nội” (Êsai 40:4). Đời sống của Chúa Jêsus là một con đường mà qua đó, Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi đi vào thế gian. Chúng ta cũng giống Chúa Jêsus, cũng là một con đường để Đức Chúa Trời đem sự cứu rỗi vào trong thế gian này. Đức Chúa Trời có thể đem sự cứu rỗi đến cho người khác qua cuộc đời của chúng ta khi ngọn núi kiêu ngạo bị hạ xuống, các nơi trũng được lấp đầy, những tội lỗi quanh quèo được làm cho ngay thẳng, những khuyết điểm lờ mờ nhờ sự đau khổ làm cho bằng phẳng.

11. Sự đau khổ thể hiện quyền năng của Đức Chúa Trời.

Khi Phaolô cầu xin Đức Chúa Trời cắt cái dằm xóc khỏi xác thịt ông, Ngài phán: “Ân điển Ta đủ cho người rồi, vì sức mạnh của Ta nên trọn vẹn trong sự yếu đuối (II Côrinhtô 12:9). Sự yếu đuối của chúng ta có thể là cách mà qua đó Đức Chúa Trời bày tỏ sức mạnh và quyền năng của Ngài. Điều này có thể giải thích về công việc nhọc nhằn cứ lặp đi lặp lại, cộng thêm nhiều nỗi đau khổ. Sự bất năng của chúng ta làm nổi bật lên sự toàn năng của Đức Chúa Trời.

12. Sự yếu đuối của chúng ta làm lộ rõ sự mạnh mẽ của Đức Chúa Trời.

Sự đau khổ thường làm cho chúng ta trở nên yếu đuối, Phaolô đã trở nên yếu đuối cùng cực bởi cái dằm xóc vào da thịt ông (II Côrinhtô 12:7-10). Nhưng khi chúng ta yếu đuối, thì Đức Chúa Trời là mạnh mẽ, khi chúng ta bất năng thì Đức Chúa Trời là toàn năng. Đức Chúa Trời có thể dùng sự đau khổ của chúng ta để dạy dỗ chúng ta, ngay chính lúc sức lực chúng ta cạn kiệt thì quyền năng của Ngài bắt đầu.

13. Sự đau khổ là cơ hội để học tính khiêm nhường.

Phaolô viết rằng cái dằm xóc được dùng “Để vả tôi, và làm cho tôi đường kiêu ngạo” (II Côrinhtô 12:7). Chúng ta có thể bị cám dỗ bởi nghe những lời tán dương khi làm việc gì đó cho Chúa, và chiếm mất sự

vinh hiển đáng được dâng cho Ngài, vì vậy, đôi khi Đức Chúa Trời dùng sự đau khổ để giữ chúng ta trong sự khiêm nhường.

14. Kinh nghiệm đau khổ thường đưa chúng ta đến kinh nghiệm vui mừng.

Trong Thi thiên 126:5: “Kẻ nào gieo giống mà giọt lệ, sẽ gặt hái cách vui mừng”. Nước mắt chúng ta đổ ra trong lúc chịu khổ thường là những “Hạt giống” mà một ngày nào đó sẽ sanh ra bông trái vui mừng. Trải qua mùa đau khổ, sẽ đến mùa gặt bông trái vui mừng. Đôi khi chúng ta phải chờ đợi cho đến khi bước vào cõi đời đời lúc đó mới vang tiếng reo mừng.

15. Sự đau khổ đôi khi là sự “Tĩa sữa”, dầu có vẻ giống như là một sự thất bại.

Chúa Jêsus dạy chúng ta rằng Ngài là gốc nho, chúng ta là nhánh. Để sanh ra bông trái, chúng ta phải tiếp tục ở trong sự thông công với Đấng Christ là gốc nho của chúng ta, đó là cách để cành liên hệ với gốc nho. Muốn sanh bông trái chúng ta phải chịu đau khổ trong quá trình tĩa sữa, nhưng khi đã được tĩa sữa sẽ sanh nhiều bông trái vui mừng trong Đấng Christ (Giăng 15:2,11).

16. Sự chịu khổ bày tỏ Đấng Christ cho thế gian.

Phaolô viết rằng khi chúng ta chịu khổ, chúng ta là cái chậu bằng đất (bình đất sét nhỏ) mà phải chịu khổ hầu cho chúng ta bày tỏ sự cao trọng của Đấng Christ, là ánh sáng vĩ đại chiếu soi rọi thế gian này khi cái bình đất sét bị vỡ ra (II Côrinhtô 4:7-10). Khi chúng ta chịu khổ, chúng ta “Bị ép đủ cách, nhưng không đến cùng; bị túng thế, nhưng không ngã lòng; bị bắt bớ, nhưng không đến bỏ; bị đánh đập, nhưng không đến chết mất” hầu cho quyền phép vinh hiển của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong xác thịt hay chết của chúng ta.

17. Sự đau khổ thúc đẩy con người bề trong tăng trưởng:

Con người bề ngoài chỉ là tạm thời, nhưng con người bề trong là đời đời. Trong khi con người bề ngoài suy tàn dần, con người bề trong của chúng ta có thể được đổi mới mỗi ngày và được sửa soạn cho cuộc sống trong tương lai vĩnh hằng (II Côrinhtô 4:16). Sự đau khổ chỉ là tạm thời, nhưng kết quả của sự đau khổ có thể còn lại mãi mãi. Đây là một

khái niệm tuyệt vời để chia sẻ với người đang chịu khổ, đưa họ từ một tình trạng cùng cực bước vào sự vui thỏa đời đời.

18. Sự đau khổ có thể dạy chúng ta về những giá trị đời đời.

Chúng ta được dạy dỗ là vào ngày chung kết, trái đất sẽ bị rung động, chỉ có những vật có giá trị đời đời tồn tại mà thôi (Hêbơơ 12:25-29). Vì đời sống và các giá trị thường đi đôi với những điều thuộc về đời tạm này, đôi khi Đức Chúa Trời dùng sự đau khổ để dời tầm mắt chúng ta khỏi những điều tạm thời và nâng tầm mắt chúng ta hướng vào cõi đời đời.

19. Sự đau khổ có thể tinh luyện chúng ta.

Đức Chúa Trời của chúng ta là một “ngọn lửa hay thiêu đốt” (Hêbơơ 12:29). Đôi khi Ngài dùng sự đau khổ để thiêu hủy bất cứ điều gì đi ngược với bản tính thánh khiết của Ngài trong đời sống chúng ta. Quá trình tinh luyện này, qua hình thức chịu khổ, giúp chúng ta chuẩn bị cho việc sống trong cõi đời đời.

20. Sự đau khổ đôi khi là hậu quả của tội lỗi.

Chúng ta gặt những gì đã gieo ra. Nếu chúng ta gieo ra sự đồi bại, thì sẽ gặt lấy sự đồi bại. Một tâm trí hư hỏng dẫn đến một cuộc đời trụy lạc. Đôi khi việc chúng ta chịu khổ là đang gặt một “mùa bội thu hậu quả”, vì chúng ta đã gieo trồng những hạt giống xấu xa trong mảnh vườn đời sống mình (Galati 6:7-8).

21. Sự đau khổ xác định chúng ta chính là con cái của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời thành tín sửa phạt những người thật sự là con cái của Ngài (Hêbơơ 12:4-11). Ngài chịu trách nhiệm về họ. Ngài không sửa trị những người không gọi Ngài là Cha, là Chúa. Vì Đức Chúa Trời là Cha và chúng ta là con cái của Ngài, nên chúng ta chịu sự sửa phạt khi phạm tội.

22. Sự đau khổ đôi khi là phương tiện để Đấng Christ thông công cùng chúng ta.

Đấng Christ phục sinh, hằng sống, đang gõ cửa những tấm lòng hâm hẩm trong sự vâng phục Ngài. Tiếng gõ cửa này tượng trưng cho

sự quở trách và sửa phạt bởi vì chúng ta xưng Ngài là Đấng cứu chuộc nhưng không xưng Ngài là Chúa (Khải huyền 3:19-20). Ngài sẽ bước vào nơi có ý nghĩa trong đời sống chúng ta và thông công với chúng ta tại đó. Tiếng gõ cửa của Đấng Christ đến trong hình thức chịu khổ.

23. “Chuồng lợn” thúc giục những người hoang đường quay trở lại.

Người con trai hoang đường chỉ “bước ra khỏi cảnh ngộ của mình” khi anh ta chịu khổ trong chuồng lợn (Luca 15:17). Vì vậy, sự đau đớn trong “chuồng lợn” thế gian này có thể đưa chúng ta ra khỏi nghịch cảnh, đem chúng ta đến sự ăn năn, và làm cho chúng ta có sự quyết tâm quay trở lại trong mối thông công và các giá trị của Cha.

24. Sự sửa phạt bằng cách chịu khổ cho chúng ta dự phần trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Cha trên trời sửa phạt chúng ta trong tình yêu thương: “Vả, cha về phần xác theo ý mình mà sửa phạt chúng ta tạm thời, nhưng Đức Chúa Trời vì ích cho chúng ta mà sửa phạt, để khiến chúng ta được dự phần trong sự thánh khiết Ngài” (Hêbơơ 12:10). Đức Chúa Trời là thánh, và Ngài muốn chúng ta phải thánh. Đôi khi Ngài dùng sự đau khổ để giúp chúng ta hiểu tầm quan trọng của thánh khiết trong bản chất của Ngài và của cả chúng ta.

25. Chúng ta chịu khổ vì thế gian ghét Đấng Christ và những người theo Ngài.

Sứ đồ Phaolô viết: “...Vả lại, hết thảy mọi người muốn sống cách nhân đức trong Đức Chúa Jêsus Christ, thì sẽ bị bắt bớ” (II Timôthê 3:12).

26. Sự chịu khổ tôi luyện đức tin chúng ta.

Phierơ viết: “Anh em vui mừng về điều đó, dầu hiện nay anh em vì sự thử thách trăm bề buộc phải buồn bã ít lâu; hầu cho sự thử thách đức tin anh em quý hơn vàng hay hư nát, dầu đã bị thử lửa, sanh ra ngợi khen, tôn trọng, vinh hiển cho anh em khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra” (I Phierơ 1:6-7). Giống như lửa làm sạch vàng, đức tin chúng ta có giá trị hơn vàng, phải được tinh luyện bởi “lửa” của sự chịu khổ.

27. Khi chịu khổ, chúng ta đang theo gương Đấng Cứu Chuộc chúng ta.

Phierơ viết rằng chúng ta được gọi là những người “*theo dấu chân Ngài*” (I Phierơ 2:21). Ngài đã chịu đau đớn cực độ trên thập tự giá để cứu chuộc chúng ta. Ngài phán với chúng ta một cách mạnh mẽ rằng chúng ta phải vác thập tự giá mình mà theo Ngài (Luca 9:23-25; 14:25-35). Chúng ta đang theo dấu chân Ngài khi chúng ta cam chịu đau đớn vì cố danh Ngài.

28. Sự chịu khổ của chúng ta đôi khi mở ra cánh cửa cho vương quốc của Đức Chúa Trời.

Khi Phaolô và Banaba thường bị bắt bớ trong các hành trình truyền giáo, họ đã khích lệ các tín hữu khác bởi lời nói này: “*Giục các môn đồ vững lòng, khuyên phải bền đỗ trong đức tin, và bảo trước rằng phải trải qua nhiều nỗi khó khăn mới vào được nước Đức Chúa Trời*” (Công vụ 14:22). Dầu cho chúng ta không chịu khổ để vào nước Đức Chúa Trời, thì vẫn có nhiều người được đem đến đức tin qua cánh cửa khổ nạn.

29. Tất cả chúng ta đều bước vào cõi đời đời qua sự chết và sự sống lại.

Chúa Jêsus phán với người đàn bà tại nơi mộ phần rằng hai nan đề không thể giải quyết được là ốm đau và sự chết. Chúng là cánh cổng đưa chúng ta vào cuộc sống vĩnh hằng (Giăng 11:20-32). Chúng ta hãy chuyển đổi hai nan đề đó thành chiếc vé về nhà trên trời vì tin chắc rằng Chúa Jêsus là giải pháp duy nhất cho những nan đề đó. Sở dĩ Đức Chúa Trời không loại trừ ốm đau và sự chết, vì đó là cách duy nhất đưa chúng ta ra khỏi thế gian này. Đây là một cách giải nghĩa lý do tại sao chúng ta phải chịu khổ.

30. Triết lý của Kinh thánh về sự chết.

Để thể hiện quyền lãnh đạo của mình, người chăn thường dùng gậy gõ nhẹ trên đầu chiên để bắt nó nằm xuống. Theo lời của Đavít, Đức Chúa Trời là Đấng chăn giữ chúng ta bằng cách cho chúng ta nằm xuống (Thi thiên 23:3). Qua mối liên hệ này, Đức Chúa Trời đưa chúng ta đến giếng nước, đồng cỏ xanh, và làm cho chén chúng ta đầy tràn. Khi chúng ta đứng dậy, đồng cỏ trở nên vàng úa, giếng nước khô cạn, và chén trống rỗng.

Sự chết là một người chăn tốt, khiến chúng ta nằm xuống để Ngài có thể dẫn chúng ta đến đồng cỏ xanh tươi chẳng bao giờ vàng úa, giếng nước chẳng bao giờ cạn, và chén chẳng bao giờ trống rỗng. Để nhận được những giá trị đời đời, chúng ta phải kinh nghiệm hai nan đề không thể giải quyết là ốm đau và sự chết. Đây là lời giải thích cơ bản của Kinh thánh về việc tại sao con dân của Chúa phải chịu khổ.

Lời Đức Chúa Trời không nói nhiều về sự chịu khổ, dầu vẫn còn nhiều sự đau đớn trên con dân Đức Chúa Trời mà chúng ta không thể hiểu hết. Câu hỏi chúng ta thường gặp phải nhất trong cuộc sống là “Tại sao?”, song ở thiên đàng từ ngữ chúng ta thường dùng nhất là “Ôh!”. Sau khi chúng ta nói “Ôh” qua hàng ngàn năm, chúng ta sẽ bắt đầu nói “Halêlugia!”

Chương 3

SÁCH THI THIÊN

Sách Thi thiên bày tỏ tấm lòng của con dân Đức Chúa Trời khi họ thờ phượng. Thi thiên gồm có 150 bài ca được mặc khải để dân Ysơraên thời Cựu ước tôn vinh Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban cho họ sách Thi thiên để giúp họ bày tỏ tình yêu, sự ngợi khen, và lời cầu nguyện đến Đức Chúa Trời khi thờ phượng. Ngày nay, những bài ca này sẽ dẫn dắt bạn vào trong sự hiện diện siêu nhiên của Đức Chúa Trời và giúp bạn bày tỏ tình yêu, sự ngợi khen và lời cầu nguyện khi bạn thờ phượng Ngài.

Nhìn Sơ Lược Về Sách Thi Thiên

Trước khi Kinh thánh được dịch ra tiếng Hy Lạp, sách Thi thiên được chia thành năm sách riêng biệt: Thi thiên 1-41, 42-72, 73-90, 91-107, 108-150. Bảy mươi ba Thi thiên được cho là của Đavít, mười hai Thi thiên của Asáp, mười một Thi thiên của con cháu Kôrê. Các học giả tin rằng Êxêchia viết mười Thi thiên; Môise, Êxôra và Salômôn mỗi người viết một Thi thiên. Nhiều bài Thi thiên ẩn danh hầu như là do những người Lêvi viết ra – những người giữ chức vụ âm nhạc do Đavít chỉ định – hoặc do chính Đavít là trước giả của những bài Thi thiên ẩn danh này.

Cấu Trúc Âm Nhạc

Các tiêu đề của Thi thiên thường chứa đựng cấu trúc âm nhạc, như là ống quyển, ngụ ý bài ca được dùng với nhạc khí thổi hơi, hoặc đàn cầm, dùng cho đàn dây. Chữ “Sê la” rải rác trong suốt sách Thi thiên có nghĩa là “nghĩ và suy gẫm một cách kính kiềng”. Đôi khi cũng có ý nghĩa gần giống như là dấu lặng trong âm nhạc hiện đại của chúng ta, hoặc cũng có nghĩa là một chỗ để cho các nhạc công nghỉ, chuyển qua giai điệu khác.

Với Ai Và Về Ai?

Các trước giả Thi thiên thời xưa hoặc các tác giả những bài thánh ca ngày nay thường nói với Đức Chúa Trời và về Đức Chúa Trời, đó là

sự ca ngợi Ngài; đôi khi họ nói với Đức Chúa Trời về con người, lúc họ dâng lời cầu nguyện; hoặc đôi khi họ trình bày với Đức Chúa Trời về mọi điều. Họ nói với con người về Đức Chúa Trời, với ý nghĩa rao giảng. Khi bạn đọc từng lời của các bài Thi thiên, hãy tự vấn: “Trước giả bài Thi thiên đang nói với ai và về ai?” Hãy hỏi và trả lời câu hỏi đó thì bạn sẽ được soi sáng để thấu suốt sứ điệp và áp dụng Thi thiên mà bạn vừa đọc.

Chủ Đề Của Sách Thi Thiên

Bạn sẽ tìm thấy bốn chủ đề được nhấn mạnh trong sách Thi thiên, nhưng hầu như chủ đề chung là những người được phước. Chủ đề này xuyên suốt trong Thi thiên. Thi thiên về người được phước thường giải thích rằng phước hạnh ban cho người được phước không phải là một sự ngẫu nhiên, hoặc một sự trùng hợp, nhưng là kết quả của đức tin và mức độ ưu tiên về thuộc linh của trước giả Thi thiên. Bạn sẽ tìm thấy chủ đề này được diễn đạt trong các Thi thiên 1, 23, 32, 128 và trong nhiều Thi thiên khác.

Chủ đề cảm xúc cũng được trình bày trong Thi thiên. Các Thi thiên này bày tỏ cảm xúc riêng tư và cho chúng ta biết cách đáp ứng thích hợp với những cảm xúc này. Bất kỳ xu hướng cảm xúc nào bạn trải qua khi đọc Thi thiên, thì bạn cũng có thể đáp ứng xu hướng cảm xúc đó. Dù bạn đang ngã lòng, lo lắng, nặng nề với gánh nặng tội lỗi hoặc tấm lòng bị tổn thương, hay lòng bạn đang tràn ngập sự biết ơn vì các phước hạnh và muốn bày tỏ qua sự thờ phượng,... khi đọc Thi thiên, bạn sẽ tìm thấy Thi thiên phù hợp, giúp bạn biết cần phải làm gì trong tâm trạng này.

Hãy quan sát những điều mà các trước giả Thi thiên đã làm với các cảm xúc đó và hãy làm như vậy theo cảm xúc của bạn. Một số các Thi thiên cảm xúc là: Thi thiên 3, 4, 32, 34, 51, và 55.

Sự thờ phượng là chủ đề cuối cùng trong sách Thi thiên. Trong các Thi thiên thờ phượng, các trước giả không chỉ nói với Đức Chúa Trời về Ngài, nhưng cũng khích lệ chúng ta thờ phượng và cũng dạy chúng ta thờ phượng như thế nào. Một số các bài Thi thiên thờ phượng là: Thi thiên 8, 63, 100, 103, 107.

Các trước giả Thi thiên cũng có chức năng viết tiên tri về một sự kiện xảy ra, tạo nên điều mà chúng ta gọi là các Thi thiên về Đấng Mêsi. Các Thi thiên này nói tiên tri về sự ra đời của Đấng Mêsi. Đavít nói tiên tri về sự Giáng sanh của Chúa Jêsus Christ và sự phục sinh của Ngài trong Thi thiên 16. Phierơ đã rao giảng Thi thiên này trong ngày Lễ Ngũ tuần. Những thí dụ khác về Thi thiên tiên tri là: Thi thiên 2, 8, 22, 46, và 110.

Bối Cảnh Lịch Sử Của Thi Thiên

Bối cảnh lịch sử của nhiều Thi thiên được tìm thấy trong các sách I & II Samuên và Sử ký. Đavít viết một nửa sách Thi thiên. Tiểu sử của ông được tìm thấy trong các sách lịch sử này. Nội dung hoặc lời chú các Thi thiên của Đavít thường cho biết mốc lịch sử của chúng. Với thông tin đó, bạn có thể tra cứu các sách lịch sử để hiểu bối cảnh của sự kiện. Nghiên cứu về những bối cảnh lịch sử này sẽ giúp bạn được sáng tỏ và áp dụng chúng vào đời sống.

Ở giữa những lời cầu nguyện tốt đẹp này, có một vài trước giả Thi thiên cầu nguyện cho kẻ thù của mình. Trong lời cầu nguyện, họ thường cầu xin Đức Chúa Trời giúp họ dùng gươm bẻ gãy răng kẻ thù địch, hoặc dùng khí giới đánh nát kẻ thù của họ ra từng mảnh. Điều này trái ngược với sự dạy dỗ của Chúa Jêsus: “*Hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi*” (Mathiơ 5:44).

Một lý do quan trọng khác, đó là cần phải có quan điểm lịch sử khi bạn đọc Thi thiên. Các bản thi ca cổ này được viết trong thời kỳ luật pháp, dạy rằng ghét kẻ thù nghịch là thích hợp, nhất là nếu kẻ thù xúc phạm đến Đức Chúa Trời (Phục truyền 23:3-6). Vì thế không có sự mâu thuẫn khi Đavít cầu nguyện: “*Tôi há chẳng ghét những kẻ ghét Chúa ư? Tôi ghét chúng nó thật là ghét, với gươm tôi, tôi sẽ đánh xé chúng nó thành từng miếng giống như bụi trên đất*”. Bối cảnh lịch sử xác định những lời cầu nguyện như vậy là hợp lẽ.

Thi thiên 23

“TÂM SỰ CỦA CHIÊN”

Bài Thi thiên chăn chiên của Đavít là bài Thi thiên tuyệt vời và là chương tuyệt vời trong Kinh thánh đối với hàng triệu người Do thái, Công giáo và Tin lành. Trong Thi thiên này, Đavít nói về Đức Chúa Trời của mình. Dạng văn chương của Thi thiên này là “Tâm sự của chiên”, bởi vì đây là lời của con chiên nói với một con chiên khác về Đấng chăn chiên vĩ đại của mình:

*Đức Giêhôva là Đấng chăn giữ tôi;
Tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì.
Ngài khiến tôi an nghỉ nơi đồng cỏ xanh tươi
Dẫn tôi đến mé nước bình tịnh.
Ngài bổ lại linh hồn tôi,
Dẫn tôi vào các lối công bình, vì có danh Ngài.
Dầu khi tôi đi trong trùng bóng chết,
Tôi sẽ chẳng sợ tai họa nào; vì Chúa ở cùng tôi:
Cây trượng và cây gậy của Chúa an ủi tôi.
Chúa dọn bàn cho tôi, trước mặt kẻ thù nghịch tôi;
Chúa xúc dầu cho đầu tôi, chén tôi đầy tràn.
Quả thật, trọn đời tôi,
Phước hạnh và sự thương xót sẽ theo tôi;
Tôi sẽ ở trong nhà Đức Giêhôva cho đến lâu dài.*

Thêm vào Thi thiên giảng giải, Thi thiên 23 là Thi thiên của người được phước. Trong tất cả các Thi thiên nói về người được phước, thì các phước hạnh ban cho người được phước thường có điều kiện. Trong Thi thiên này, phước hạnh của Đavít là đồng cỏ xanh tươi, giếng nước, chén đầy tràn. Điều kiện của các phước hạnh này cơ bản được tìm thấy ở ngay những câu đầu của Thi thiên: “*Đức Giêhôva là Đấng chăn giữ tôi*”. Tất cả những phước hạnh mà Đavít mô tả trong Thi thiên tuyệt vời này là từ kinh nghiệm với Đức Chúa Trời cho nên ông có thể nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng chăn giữ ông. “*Đồng cỏ xanh tươi*” ám chỉ về hình ảnh phước hạnh vật chất. Khi Đavít nói “*Chén tôi đầy tràn*”, ông muốn diễn tả sự vui mừng. Ông là một người hạnh phúc. Chìa khóa của niềm vui, hạnh phúc là gì? Đức Chúa Trời là Đấng chăn giữ

Đavít. Cho đến chừng nào Đức Chúa Trời còn là Đấng chặn giữ ông, thì ông có được mọi điều – đồng cỏ xanh tươi, giếng nước, chén đầy tràn, bàn đầy dầy thực phẩm. v.v. Nhưng, tất cả mọi phước hạnh này đều có điều kiện, chúng tùy thuộc vào mối thông công giữa Đavít và Đấng chặn giữ. Thi thiên này thực sự nói về mối thông công quan trọng nhất trên thế gian – sự thông công của chúng ta với Đức Chúa Trời.

Vị Trí Thông Công

Khi chúng ta nhận biết tầm quan trọng của mối thông công, thì chúng ta hãy tự vấn là sự thông công được thiết lập như thế nào. Câu giải đáp cho chúng ta được tìm thấy ở câu thứ hai của Thi thiên này: *“Ngài khiến tôi an nghỉ”*. Người chăn chiên tỏ uy quyền lãnh đạo trên bầy chiên bằng cách gõ nhẹ cây gậy trên đầu con chiên. Qua cách đó ông muốn nói với chiên rằng “nằm xuống!” Đức Chúa Trời, Đấng chặn giữ chúng ta, thường gõ nhẹ trên đầu chúng ta với những nan đề mà chúng ta không thể tránh hoặc giải quyết được.

Thể Hiện Sự Thông Công

Điều này chỉ xảy ra khi Đức Chúa Trời trở thành Người chăn để dẫn dắt chúng ta. Bầy chiên chỉ uống nước trong như gương. Nước trong có tại những chỗ đã được sắp sẵn cho chúng ta. Đấng chặn giữ vĩ đại của chúng ta không thể dẫn đến những chỗ này cho đến khi chúng ta chịu nằm xuống và tuyên xưng hai điều: Đức Chúa Trời là Người chăn và chúng ta là chiên của Ngài. Những câu tiếp theo diễn tả tiến trình của sự thông công. Điều này có nghĩa là chúng ta đứng dậy và lại nô đùa với người chăn, mối thông công giữa Đấng chăn chiên và chúng ta được phục hồi.

Bối Cảnh Thông Công

Khi Đavít đặt sự thông công vào bối cảnh, ông đã cho chúng ta thấy một sự diễn tả tuyệt đẹp trong Kinh thánh về sự thông công giữa Đức Chúa Trời và loài người. Ông thuật cho chúng ta biết rằng ông chẳng ngại đi bất cứ nơi đâu mà Người chăn dẫn dắt. Ông biết rằng Ngài luôn ở cùng, đi phía trước, rồi trở lại phía sau với tình yêu và sự thương xót, cung cấp và đổ phước hạnh trên ông, làm cho chén ông

đầy tràn. Ông cũng biết rõ rằng, mối thông công này sẽ cứ tiếp diễn mỗi ngày trên đời sống ông – và mãi mãi.

Áp dụng sứ điệp của Thi thiên 23 vào đời sống của bạn, bạn nên nhớ rằng khi bạn tôn Chúa làm Đấng chặn giữ, bạn được đưa đến đồng cỏ xanh tươi, bên suối nước, và chén của bạn tràn đầy phước hạnh. Khi bạn quyết định tôn Ngài là Đấng chặn giữ đời mình, cỏ có vàng úa và chén có trống trơn không? Bạn có phải lang thang tìm nguồn nước không?

Nhận biết rằng mình cần được phục hồi, bạn hãy để Ngài tạo mối thông công giữa Ngài và bạn, duy trì vị trí thông công trong danh Ngài, rồi sống một đời sống biết rằng Đấng chặn giữ ở cùng, đi trước và sau bạn với sự tốt lành và nhân từ, dọn bàn đầy đủ, chúc phước cho cuộc đời bạn với sự xúc dầu, và làm đầy chén hạnh phúc trong tâm hồn bạn. Sống trong sự tin chắc rằng Ngài làm mọi sự qua từng ngày của đời bạn cho đến mãi mãi, và hưởng về cõi đời đời với sự lạc quan không suy tàn.

Thi Thiên 1

“NGƯỜI ĐƯỢC PHƯỚC”

Thi thiên thứ nhất là Thi thiên diễn tả về một người được phước. Tất cả các Thi thiên nói về người được phước đều theo một khuôn mẫu chung của Thi thiên thứ nhất, và bày tỏ cho chúng ta biết rằng người được phước và các phước hạnh ban cho trên đời sống người ấy không phải do tình cờ hoặc ngẫu nhiên, nhưng là kết quả do sự tin chắc và chọn lựa có cân nhắc, chúng ta hãy đọc Thi thiên thứ nhất:

*Phước cho người nào chẳng theo mưu kế của kẻ dữ,
Chẳng đứng trong đường tội nhân,
Không ngồi chỗ của kẻ nhạo báng;
Song lấy làm vui vẻ về luật pháp của Đức Giêhôva,
Và suy gẫm luật pháp ấy ngày và đêm.
Người ấy sẽ như cây trồng gần dòng nước,
Sanh bông trái theo thì tiết,*

*Lá nó cũng chẳng tàn héo;
Mọi sự người làm đều sẽ thịnh vượng.
Kẻ ác chẳng như vậy đâu;
Nhưng chúng nó khác nào rơm rác gió thổi bay đi.
Bởi có ấy kẻ ác chẳng đứng nổi trong ngày đoán xét,
Tội nhân cũng không được vào hội người công bình.
Vì Đức Giêhôva biết đường người công bình,
Song đường kẻ ác rồi bị diệt vong.*

Ai Là Người Được Phước?

Thi thiên thứ nhất nói về hai loại người – người được phước và người không kính sợ Đức Chúa Trời. Thi thiên này viết theo hình thức thơ văn Hêbơrơ, chỉ về tình trạng xác thực bằng cách nêu ra một tình huống phủ định. Đavít mô tả về người được phước bằng cách đưa ra một hình ảnh không phải là ông. Thí dụ như, người được phước là người chẳng “*Theo mưu kế của kẻ dữ*”(1^a), là người đi theo đường lối của Đức Chúa Trời, tìm kiếm đường lối trong lời Chúa “*Suy gẫm luật pháp ấy ngày và đêm*”(2^b). Cũng vậy, người được phước không “*ngồi chỗ của kẻ nhạo báng*”(1^c). Hình thức phủ định này muốn nói rằng người được phước ngồi vào chỗ các tín hữu – ấy là một người tin kính. Người ấy tin lời Đức Chúa Trời, và “*Lấy làm vui vẻ về luật pháp của Đức Giêhôva*”(2^a). Người biết rằng bí quyết để lời Đức Chúa Trời có quyền năng mạnh mẽ trong đời sống mình là vâng theo lời của Đức Chúa Trời, bước đi trong đường lối đã tìm được trong lời Ngài.

Thi thiên này được trước tác bởi Đavít, vua thứ hai và là vị vua tốt nhất của Ysraên. Theo luật của Môise, bốn phận của vua là chuyên tâm chép lấy một bản luật pháp và làm cho luật pháp trở thành người bạn trung thành của mình: “*Vừa khi tức vị, vua phải chiếu theo luật pháp này mà những thầy tế lễ về dòng Lêvi giữ, chép một bản cho mình. Bốn ấy phải ở bên vua trọn đời, vua phải đọc ở trong, để tập biết kính sợ Giêhôva Đức Chúa Trời mình, cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này, và hết thầy điều răn này*” (Phục truyền 17-18-19). Căn cứ vào Thi thiên đầu tiên mà chúng ta đọc được trong quyển Thánh thi này, chúng ta có thể thừa nhận rằng nguyên tắc đó khiến cho Đavít yêu

mến Lời Đức Chúa Trời, và bởi sự yêu mến Lời Chúa, ông trở nên một người được phước.

Những phước hạnh của người được phước là gì? Sau khi xác định sự tin chắc và chọn lựa là những điều kiện dẫn đến các phước hạnh của người được phước, Đavít liệt kê một số phước hạnh của người đó.

Ổn định

Người được phước thì “*Như cây trồng gần dòng nước*”(3^a), là nơi có đất ẩm và rễ vươn dài ra, đâm sâu xuống đất. Rễ của cây tỏa rộng ra mọi hướng. Nếu có một xe tải nặng nhiều tấn đụng vào cây sồi đó, chiếc xe tải ắt sẽ bị hư hỏng, còn cây chẳng lay chuyển một phân nào. Đó là hình bóng về sự ổn định – sự ổn định của cây trồng gần dòng nước và được bổ dưỡng – đó là hình bóng về sự ổn định của một người được phước. Chúa Giêsus cũng dạy điều tương tự như vậy khi Ngài mô tả về người nghe và làm theo lời Đức Chúa Trời (Mathiơ 7:24-25).

Sanh bông trái

Người được phước thì sanh bông trái – cái cây chỉ về người có khu vườn đời sống được “*Sanh bông trái theo thì tiết*”(3^b). Điều này có nghĩa là trong cuộc đời người ấy, mọi thì tiết đều sanh bông trái thích hợp. Vì người tin và yêu mến Lời của Đức Chúa Trời, nên ngoại trừ những chỗ bí nhiệm ra, thì sự hiểu biết về Chúa của người ấy được mở rộng và người bước vào trong mối thông công với Đức Chúa Trời hằng sống. Sự thông công là bí quyết để sanh bông trái trong người ấy. Chúa Giêsus dạy rằng nếu chúng ta muốn kết quả thì phải cứ ở trong Ngài như nhánh nho nối liền với gốc nho.

Trường thọ

Người được phước sẽ không trở nên cằn cỗi, khô héo trong những năm cao tuổi của đời mình. Chúng ta đọc thấy: “*Lá nó cũng chẳng tàn héo*”. Người được phước nhắc cho chúng ta nhớ đến lời của một thi nhân: “*Tuổi già càng tiến gần đến tôi. Điều tốt nhất thì chưa đạt được. Điều cuối cùng chính là điều đầu tiên đã làm*”. Mỗi một ngày người ấy sống như để chuẩn bị cho những ngày tiếp nối. Phẩm chất của cuộc sống người ấy tốt và càng tốt hơn nữa tùy theo những năm mà người ấy thêm vào trong đời mình.

Thịnh vượng

Chúng ta cũng đọc được: “Mọi sự người làm đều sẽ thịnh vượng” (3^d). Ở đây, Đavít không nói đến sự thịnh vượng thuộc thể nhưng là thịnh vượng thuộc linh, vì các sách thi văn hướng đến con người bề trong thay vì hướng đến con người bề ngoài. Chúng ta có thể tóm lược rằng, sự thịnh vượng của người được phước là sự thịnh vượng của người bề trong và có ảnh hưởng đến phẩm chất thuộc cõi đời đời của người ấy. Những gì chúng ta để lại khi lìa bỏ thế gian này, thật ra không đáng cho chúng ta vì nó mà sống khi còn ở trên đời.

An Ninh

Phước hạnh cuối cùng của người được phước được đề cập theo thể phủ định: “Bởi có ấy kẻ ác chẳng đứng nổi trong ngày đoán xét, Tội nhân cũng không được vào hội người công bình” (5). Người được phước có sự an ninh trong đời này và đời sau bởi vì người bước đi trong đường lối của Đức Chúa Trời đã tìm được trong lời Ngài. Người ấy sẽ đứng vững trong ngày đoán xét cuối cùng, được ở trong hội người công bình cho đến đời đời. Giống như những phước hạnh được nêu lên trong Thi thiên người chán bầy, phước hạnh của người được phước trong Thi thiên thứ nhất là “Trọn những ngày trong đời sống của người ấy và mãi mãi!”

Hai Người Ngồi Trong Nhà Thờ, Bạn Là Người Nào?

Đavít mô tả về người không kính sợ Đức Chúa Trời (kẻ ác) qua lời viết đơn giản: “Kẻ ác chẳng như vậy đâu” (4^a). Kẻ ác chẳng tin như người được phước tin. Kẻ ác không vui thích trong lời Đức Chúa Trời, cũng không suy gẫm lời ấy ngày và đêm. Cuối cùng, họ không có sự ổn định, không sanh bông trái, không được trường thọ, không có đời sống thịnh vượng, thiếu sự an ninh, và không kinh nghiệm sự sống đời đời như người được phước.

Tại sao một người được ban phước? Vì do người ấy lựa chọn. Người ấy chọn tin cậy và suy gẫm Lời Đức Chúa Trời, và người ấy chọn tách mình khỏi những con người tội lỗi cùng lối sống vô ích của họ. Phước hạnh của người ấy là bữa tiệc của những thành quả lớn lao.

Để thách thức mọi người được phước, Thi thiên này đưa ra câu hỏi: “Hai người ngồi trong nhà thờ, bạn là người nào?” Bởi ân điển của Đức Chúa Trời, bạn có phải là người được phước không? Bạn có cùng ngồi với những người tin cậy Đức Chúa Trời không? Bạn có Lời của Ngài không? Bạn có suy gẫm lời ấy ngày và đêm không? Bạn có bước theo đường lối mà Lời ấy khuyên giục không? Theo Thi thiên thứ nhất, đó là chìa khóa phước hạnh của người được phước.

Thi Thiên 128

CÓ PHẢI MỌI NGƯỜI ĐỀU ĐƯỢC PHƯỚC?

Phước cho người nào kính sợ Đức Giêhôva,

Đi trong đường lối Ngài!

Vì người sẽ hưởng công việc của tay mình,

Được phước, may mắn.

Vợ người ở trong nhà người, sẽ như cây nho thịnh vượng;

Con cái người ở chung quanh bàn người

Khác nào những chồi ôlive.

Kìa, người nào kính sợ Đức Giêhôva

Sẽ được phước là như vậy.

Nguyện Đức Giêhôva từ Siôn ban phước cho người;

Nguyện trọn đời mình người được thấy sự phước lành của Giêrusalem.

Nguyện người được thấy con cháu mình!

Nguyện sự bình an giáng trên Ysơraên!

Có phải mọi người đều được phước?

Có nhiều người thích đặt dấu chấm ngay sau chữ thứ ba của Thi thiên này vì họ tin rằng ai cũng được phước. Tuy nhiên, Kinh thánh cho chúng ta biết rằng phước hạnh ban cho người được phước là có điều kiện: “Phước cho người nào (ai) kính sợ Đức Giêhôva, đi trong đường lối Ngài!” (1). Khi chúng ta nghiên cứu sẽ thấy rằng người ấy được ban phước vì do người ấy chọn lựa, tin cậy tuyệt đối và có suy nghĩ kỹ càng.

Thi thiên này dạy rằng người nào kính sợ Đức Chúa Trời thì sẽ được phước, nhưng lại nảy sinh một câu hỏi khác: Có phải trong sách Gióp dạy rằng Đức Chúa Trời thường không ban phước cho người công bình? Khi các bạn của Gióp nói với ông rằng Đức Chúa Trời sửa phạt những người phạm tội và ban phước cho người công bình, Đức Chúa Trời đã phán rằng họ nói sai. Tuy nhiên, chúng ta có thể học từ các Thi thiên về người được phước, nói chung là họ gạt lấy những gì đã gieo và khi người kính sợ Đức Chúa Trời chịu khổ giống như Gióp, thì đó là trường hợp ngoại lệ chứ không phải là quy luật.

Kế Hoạch Của Đức Chúa Trời

Thi thiên 128 dạy rằng người được phước và các phước hạnh của người ấy nằm trong kế hoạch của Đức Chúa Trời để tác động đến thế gian này. Khi chúng ta nghiên cứu sách Gióp, sự đáp ứng thích hợp đối với sự ban phước không phải là: “Lạy Chúa, Ngài sẽ ban cho con điều gì?” nhưng là: “Lạy Chúa, làm thế nào để con trở nên một người được phước và có ích lợi cho Ngài?”

Kế hoạch của Đức Chúa Trời theo một khuôn mẫu. Ngài tìm một người biết tin cậy, vâng lời Ngài để ban phước cho người ấy (1-2). Rồi phước hạnh của Đức Chúa Trời tuôn tràn từ người ấy đến vợ, rồi người vợ trở nên giống như một cây nho sanh bông trái trong nhà người (3^a). Phước hạnh lại tuôn tràn đến con cái của người, “*Con cái người ở chung quanh bàn người. Khác nào những chồi ôlive*” (3^b). Cây ôlive là biểu tượng của sự kết nhiều quả.

Phước hạnh của Đức Chúa Trời tuôn tràn từ đơn vị gia đình đến trên Siôn là cộng đồng thuộc linh trong Tân ước. Từ cộng đồng thuộc linh (Siôn), phước hạnh của Đức Chúa Trời trên từng gia đình tác động đến thành phố (Giêrusalem), đến quốc gia (Ysơraên), và cuối cùng là tác động đến cả thế giới. Về cơ bản, Thi thiên này dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời dùng đơn vị gia đình để nói với thế gian về chính mình Ngài. Khi Ngài muốn tác động đến thành phố, quốc gia, và thế gian, thì Ngài bắt đầu từ một người được phước và một gia đình được phước.

Thi thiên 127

NHỮNG ƯU TIÊN THUỘC VỀ THÂN HỤU

*Nếu Đức Giêhôva không cất nhà,
Thì những thợ xây cất làm uổng công.
Nhược bằng Đức Giêhôva không coi giữ thành,
Thì người canh thức canh luống công.
Uổng công thay cho các người thức dậy sớm, đi ngủ trễ,
Và ăn bánh lao khổ;
Chúa cũng ban giấc ngủ cho kẻ Ngài yêu mến bằng vậy.
Kìa, con cái là cơ nghiệp bởi Đức Giêhôva mà ra;
Bông trái của tử cung là phần thưởng.
Con trai sanh trong buổi đang thì,
Khác nào mũi tên nơi tay dũng sĩ.
Phước cho người nào vắt nó đầy gùi mình!
Người sẽ không hổ thẹn,
Khi nói năng với kẻ thù nghịch mình tại cửa thành.*

Thi thiên ngắn này đi đôi với Thi thiên 128, cùng trước giả là Salômôn. Vì ông là một kiến trúc sư vĩ đại, nên chúng ta có thể cho rằng ông mô tả việc xây dựng theo phép ẩn dụ trong Thi thiên của mình. Ông xây dựng một đền thờ mang tên ông, xây dựng toàn bộ thành phố, công viên, các chuồng ngựa và một hạm đội. Tuy nhiên, Salômôn nói với chúng ta rằng mọi công trình xây dựng đó cũng chẳng có giá trị gì: “*Nếu Đức Giêhôva không cất nhà, thì những thợ xây cất làm uổng công*” (1). Ông nói với chúng ta rằng sự lo lắng, làm việc cực nhọc, và xây dựng đều là vô ích vì đã thực hiện trong sự sai lầm.

Thi thiên này cũng tương tự như lời thú nhận muộn màng nhưng rất sáng suốt của Salômôn trong sách Truyền đạo. Trong sách đó, ông giảng giải rằng hầu hết những việc ông làm trong đời mình đều uổng công. Khi ông thay lối ẩn dụ về việc xây nhà vào lối ẩn dụ tốt đẹp về con cái, ông muốn nói với các bậc cha mẹ rằng điều quan trọng nhất họ có thể làm là xây dựng cuộc đời các con họ. Salômôn có thể nói với chúng ta rằng ông mong muốn dành thời gian để xây dựng của các con của ông thay vì xây dựng các công trình khác.

Salômôn nói: “*Con trai sanh trong buổi đang thì, khác nào mũi tên nơi tay đông sĩ*”(4). “Mũi tên” trong ẩn dụ này là các con của bạn và bạn là cây cung. Sự thúc đẩy và hướng dẫn con cái của bạn hòa nhập vào thế gian này được định đoạt bởi cây cung. Cây cung chính là gia đình.

Sứ điệp chính yếu trong Thi thiên này nằm ở phần mở đầu: “*Nếu Đức Giêhôva không cất nhà, thì những thợ xây cất làm uổng công*”. Có nhiều điều chỉ có Đức Chúa Trời mới làm được. Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể tạo nên cuộc đời mới trong các con của bạn. Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể ban cho chúng ân tứ đức tin. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời không thể xây dựng cuộc đời các con bạn cho đến khi nào bạn giao chúng cho Ngài. Chân lý này được gói gọn trong một ẩn dụ tuyệt vời. Salômôn muốn nói với chúng ta: “*Chúa cũng ban giấc ngủ cho kẻ Ngài yêu mến bằng vậy*”. Bao lâu chúng ta còn thức, Đức Chúa Trời không thể ban sức lực mới trong thân thể chúng ta. Nhưng, khi chúng ta thụ động và đi ngủ, Đức Chúa Trời trở nên chủ động và ban sức lực mới trong chúng ta. Hãy để ẩn dụ đó thành sự thách thức về trách nhiệm cho các bậc làm cha mẹ

Điều Này Có Ý Nghĩa Gì?

Có thể có sự buồn rầu, lao khổ và xây dựng luống công vì chúng ta đặt sai thứ tự ưu tiên. Thi thiên này đang thách thức chúng ta đầu tư chính mình cho con cái, bởi vì xuyên qua đơn vị gia đình, Đức Chúa Trời tác động đến thế gian. Chúng ta phải xem xét chính mình về thứ tự ưu tiên bởi vì ma quỷ biết Đức Chúa Trời dùng đơn vị gia đình để tác động thế gian. Căn bệnh truyền nhiễm đổ vỡ hôn nhân và gia đình đang lan nhanh trong thế giới hôm nay, là bằng chứng bi kịch thực tế mà Satan đang quyết tâm phá hoại công việc của Đức Chúa Trời bằng cách cắt đứt sợi dây cung của chúng ta.

Có phải mọi người đều được phước không? Không, theo những gì chúng ta học biết qua các Thi thiên về người được phước. Chỉ có những người nam và người nữ nào tin cậy và vâng lời mới được phước, và phước hạnh của họ tác động đến thế giới này qua các con cháu của họ. Bạn có phải là người nam, người nữ đó không? Hãy suy xét điều kiện

để được phước và các phước hạnh ban cho người ấy và rồi trả lời câu hỏi này: “Hai người ngồi trong nhà thờ, bạn là người nào?”

Thi thiên 4

GIẢI PHÁP CHO SỰ CĂNG THẲNG

Khi đã nghiên cứu nhiều Thi thiên về người được phước, bây giờ chúng ta hãy cùng nhau nghiên cứu một số Thi thiên, mà tôi gọi là Thi thiên cảm xúc. Những Thi thiên này thường là những bài cầu nguyện, là lời của trước giả Thi thiên nói với Đức Chúa Trời về loài người – thường là về chính mình người ấy, thí dụ như Thi thiên thứ tư.

*Hỡi Đức Chúa Trời của sự công bình tôi,
Khi tôi kêu cầu, xin hãy đáp lời tôi.
Khi tôi bị gian truân Ngài để tôi trong nơi rộng rãi;
Xin hãy thương xót tôi, và nghe lời cầu nguyện tôi.
Hỡi các con loài người,
Sự vinh hiển ta sẽ bị sỉ nhục cho đến chừng nào?
Các người sẽ ưa mến điều hư không,
Và tìm sự dối trá cho đến bao giờ? (Sêla)
Phải biết rằng Đức Giêhôva đã để riêng cho mình người nhân đức.
Khi ta kêu cầu Đức Giêhôva, ắt Ngài sẽ nghe lời ta.
Các người khá e sợ, chớ phạm tội;
Trên giường mình hãy suy gẫm trong lòng, và làm thinh. (Sêla)
Hãy dâng sự công bình làm của lễ,
Và để lòng tin cậy nơi Đức Giêhôva.
Nhiều người nói: Ai sẽ cho chúng ta thấy phước?
Hỡi Đức Giêhôva,
Xin soi trên chúng tôi sự sáng mặt Ngài.
Chúa khiến lòng tôi vui mừng nhiều hơn chúng nó,
Dầu khi chúng nó có lúa mì và rượu nho dư dật.
Hỡi Đức Giêhôva, tôi sẽ nằm và ngủ bình an;
Vì chỉ một mình Ngài làm cho tôi được ở yên ổn*

Chúng Ta Đối Đầu Với Sự Căng Thẳng Như Thế Nào ?

Xu hướng cảm xúc của trước giả Thi thiên thứ tư là sự trầm cảm. Bạn hiểu là trước giả đang nói về nguyên nhân căng thẳng. Sự căng thẳng lan rộng trong thế giới chúng ta đang sống ngày nay đã được đặt nhãn hiệu: “Thời đại lo âu”. Thi thiên này chỉ cho chúng ta biết cách làm thế nào để đối phó với sự căng thẳng, đau buồn mà chúng ta gặp mỗi ngày.

Cầu Nguyện

Trong Thi thiên thứ tư, Đavít đối phó với các áp lực cảm xúc qua sự cầu nguyện. Ông cầu nguyện: *“Hỡi Đức Chúa Trời của sự công bình tôi, khi tôi kêu cầu, xin hãy đáp lời tôi”*(1). Cầu nguyện là đối thoại với Đức Chúa Trời. Sự đối thoại có hai chiều – nói và lắng nghe. Đức Chúa Trời muốn bạn nói với Ngài, nhưng Ngài cũng muốn nói với bạn. Hầu như trong các Thi thiên cầu nguyện, trước nhất chúng ta thấy trước giả Thi thiên nói với Đức Chúa Trời, và rồi nghe sự đáp lời của Ngài. Trước giả Thi thiên dâng lời cầu xin lên Đức Chúa Trời và nhận sự bảo đảm rằng Đức Chúa Trời lắng nghe và đáp lại lời cầu nguyện của ông.

Đavít bắt đầu bài cầu nguyện này bằng cách thưa với Đức Chúa Trời về căn nguyên nỗi đau buồn của ông (2). Đức Chúa Trời đáp lời cho ông bằng cách ban cho ông một khái tượng: *“Phải biết rằng Đức Giêhôva đã để riêng cho mình người nhân đức. Khi ta kêu cầu Đức Giêhôva, ắt Ngài sẽ nghe lời ta. Các người khác e sợ, chớ phạm tội”*(3-4^a). Khi Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện rồi, chúng ta nên dừng bao giờ tái phạm nữa. Hãy suy nghĩ sự đáp lời cầu nguyện đó có ý nghĩa gì. Điều đó có nghĩa là, Đức Chúa Trời của hoàn vũ quan tâm đến chúng ta và đáp lời khi chúng ta đối thoại với Ngài. Một khi chúng ta đã có kinh nghiệm về sự đáp lời cầu nguyện, về phía chúng ta, cuộc sống sẽ không bao giờ còn giống như trước nữa.

Tra Xét Tấm Lòng Của Bạn

Khi Đức Chúa Trời phán với Đavít, Ngài bảo ông làm một số việc: *“Trên giường mình hãy suy gẫm trong lòng, và làm thinh”*(4^b). Khi Đức Chúa Trời bảo Đavít làm thinh, Ngài muốn nói rằng hãy lắng nghe. Có một ý khi Ngài bảo Đavít *“Trên giường mình hãy suy gẫm trong lòng”*,

Ngài muốn Đavít hãy tra xét, tự vấn lòng mình, hoặc đối diện với chính mình.

Làm Điều Công Bình

Khi Đavít đã tra xét lòng mình, Đức Chúa Trời bày tỏ cho ông biết điều phải làm đối với sự căng thẳng. Đức Chúa Trời cho Đavít biết rằng ông cần phải: *“dâng sự công bình làm của lễ, và để lòng tin cậy nơi Đức Giêhôva”*(5). Tại sao phải làm như thế? Bởi vì có nhiều người đang nhìn xem và thắc mắc: *“Ai sẽ cho chúng ta thấy phước?”*(6^a). Mọi người đang nhìn xem Đavít. Họ sẽ học biết về Đức Chúa Trời qua tấm gương Đavít.

Chúng ta có thể tóm tắt rằng Đavít đang đối diện với một quyết định liên quan đến sự chọn lựa. Ông có thể dùng một thủ đoạn nào đó và qua khỏi được, hoặc ông làm theo điều công bình. Nếu ông làm điều công bình, ông tin rằng mình có thể vượt qua được cơn khủng hoảng. Khi làm một người liêm chính, ông không thể sống với tội lỗi và dùng thủ đoạn. Khi ông đối thoại với Đức Chúa Trời, ông đã quyết tâm dâng của lễ để làm theo điều công bình. Ông biết rằng mọi người đều muốn tìm kiếm phước hạnh, nghĩa là, họ sẽ làm điều công bình cho dù điều đó đòi hỏi phải có một sự hy sinh cao cả.

Khi Đavít quyết tâm dâng của lễ vì sự công bình, ông kinh nghiệm một sự biến đổi về cảm xúc. Ông nói: *“Chúa khiến lòng tôi vui mừng nhiều hơn chúng nó, dầu khi chúng nó có lúa mì và rượu nho dư dật. Hỡi Đức Giêhôva, tôi sẽ nằm và ngủ bình an; vì chỉ một mình Ngài làm cho tôi được ở yên ổn”*(7-8).

Nếu bạn gặp hoàn cảnh đau buồn như Đavít, hãy suy gẫm trong lòng và thưa chuyện cùng Đức Chúa Trời. Nếu sự lo lắng của bạn có nguồn gốc từ sự tranh chiến thuộc linh về điều mưu mô và điều công chính, hãy giải quyết điều vướng mắc trong lòng, dâng của lễ theo sự công bình và đặt lòng tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Hãy chứng tỏ rằng giải pháp của Đavít đối với sự căng thẳng có thể làm thay đổi cảm xúc của bạn từ áp lực về mặt tinh thần, về nỗi lo lắng, sợ hãi, thành ra cảm xúc an nghỉ đến từ sự tin cậy, bình an, và một giấc ngủ ngon.

Thi thiên 139

VỊ CỐ VẤN TOÀN NĂNG

*“Đức Chúa Trời ơi, xin hãy tra xét tôi, và biết lòng tôi;
Hãy thử thách tôi, và biết tư tưởng tôi;
Xin xem thử tôi có lối ác nào chẳng,
Xin dắt tôi vào con đường đời đời”.*

(Thi thiên 139:23,24).

Một thí dụ khác trong Thi thiên cầu nguyện, một trước giả được mặc khải viết lên bài ca để nói với Đức Chúa Trời về con người, đó là Thi thiên 139, bài cầu nguyện tuyệt diệu của Đavít. Trong Thi thiên này, Đức Chúa Trời là vị cố vấn vĩ đại của Đavít. Khi Đức Chúa Trời phán bảo với Saulơ qua Samuên rằng Ngài đã tìm một người thay thế vị vua đầu tiên của Ysơraên, Ngài muốn nói rằng Đavít là một người theo lòng Ngài, là người sẽ làm theo mọi ý muốn của Ngài. Bởi vì Đavít muốn đi theo ý Đức Chúa Trời trọn đời mình. Ông dâng lên Ngài bài cầu nguyện tuyệt vời này. Cốt lõi của bài cầu nguyện nằm ở hai câu cuối. Nếu chúng ta chia phần còn lại của Thi thiên này thành từng phân đoạn, thì mỗi phân đoạn bày tỏ cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào mà Đavít cầu nguyện như vậy – và tại sao Đavít dâng trình bài cầu nguyện đó lên cho Ngài. Vì khi Đavít dâng lên bài cầu nguyện này, thì cũng có nhiều người đang cầu nguyện với các thần tượng khác.

Trong phân đoạn đầu (1-5), Đavít cho chúng ta biết rằng ông cầu nguyện với Đấng biết rõ về ông. Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời là vô hạn. Đavít đã cầu nguyện: *“Đức Chúa Trời ơi, xin hãy tra xét tôi, và biết lòng tôi”*(1). Bạn có thể biết về một người nổi tiếng, ngay cả người lãnh đạo đất nước của bạn. Tuy nhiên, nếu người đó nói công khai rằng người ấy biết bạn thì thật là ấn tượng phải không? Đavít có vinh dự thật sự khi Đức Chúa Trời của hoàn vũ biết đến ông!

Khi bạn tìm kiếm lời khuyên của loài người, sự hiểu biết của con người về hoàn cảnh của bạn sẽ bị giới hạn ở mức mà bạn thổ lộ về chính mình. Bất kể họ là người thế nào, khả năng giúp đỡ của họ cũng

bị giới hạn tùy theo mức bạn đã kể với họ về hoàn cảnh và sự khủng hoảng của bạn. Nhưng Đức Chúa Trời biết rõ về bạn. Ngài biết tư tưởng của bạn trước khi bạn suy nghĩ về việc gì đó, và Ngài *“Quen biết các đường lối (của bạn)”*(3b).

Trong phân đoạn thứ hai (6-12), diễn tả Đavít dâng lời cầu nguyện của ông lên Đấng Chân thật và Hằng sống, là Đấng ông không thể trốn tránh. Đavít cầu nguyện: *“Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa?”* Bạn đi nhanh đến mức nào để có thể trốn khỏi sự hiện diện của Chúa? Bạn có thể đi xa đến đâu? Bạn lên cao và xuống thấp đến đâu để trốn tránh, hoặc qua mặt Đức Chúa Trời? Đavít dâng lời cầu nguyện của ông lên Đức Chúa Trời Vô Sở Bất Tại, là Đấng mà ông không thể trốn tránh.

Phân đoạn thứ ba (13-16) diễn tả Đavít cầu nguyện với Đức Chúa Trời là Đấng tạo dựng nên ông. Đavít cầu nguyện: *“Vì chính Chúa nắn nên tâm thần tôi, dệt thành tôi trong lòng mẹ tôi. Số các ngày định cho tôi, đã biên vào sổ Chúa trước khi chưa có một ngày trong các ngày ấy”*(13,16^b). Trước khi chúng ta được sanh ra, Đức Chúa Trời đã ghi chương trình cho từng ngày của cuộc đời chúng ta vào một quyển sổ. Hãy tưởng tượng về việc bạn lên chương trình cả năm cho công việc hằng ngày, hằng tuần và hằng tháng của bạn. Điều này cũng có nghĩa là không có việc gì xảy ra tình cờ cho con người. Chúng ta hiện hữu là do Chúa sắp đặt (quan phòng). Hãy suy nghĩ về điều này khi bạn tính đến chuyện phá thai.

Phân đoạn thứ tư (17-18), diễn tả lời cầu nguyện của Đavít dâng lên Đức Chúa Trời, là Đấng luôn nghĩ về ông. Đavít cho biết là trong suy nghĩ của Đức Chúa Trời, chúng ta rất quý giá và điều đó không thể đếm được và vô bờ bến (17). Một trong những cách biểu lộ tình cảm có tác dụng mạnh nhất là nói với người yêu rằng bạn thường nghĩ đến họ. Đức Chúa Trời nghĩ về chúng ta nhiều hơn là chúng ta nghĩ về chính mình.

Cuối cùng, Đavít dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời là Đấng bảo vệ (19-22). Trong phần này ông cầu xin Đức Chúa Trời hãy tiêu diệt kẻ thù của ông. Ông cầu xin sự bảo vệ với niềm tin lớn lao rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp ông tiêu diệt kẻ thù.

Dâng trình những điều này lên Đức Chúa Trời là Đấng ông cầu nguyện, Đavít nói lên điều cốt yếu khi ông cầu xin Chúa hãy “tìm” và “biết” ông, dò xét ông có lỗi ác nào không (23-24). Ông đưa ra lời thỉnh cầu với Đức Chúa Trời là Đấng ông không thể trốn tránh, là Đấng biết ông, tạo dựng nên ông, nghĩ về ông và là Đấng bảo vệ ông.

Đây chính là Đức Chúa Trời, là Đấng đáng cho chúng ta dâng lên mọi lời cầu nguyện. Khi bạn có động cơ không chính đáng trong lòng, nhưng muốn bước theo ý muốn của Đức Chúa Trời suốt đời, thì hãy đến trước ngai của Đấng cố vấn vĩ đại mà Đavít đã dâng lên lời cầu nguyện. Hãy cầu xin Ngài mở lòng bạn và bày tỏ cho bạn thấy những động cơ không nên có. Hãy cầu xin Ngài mở tâm trí của bạn và chỉ ra cho bạn những tư tưởng xấu, vì bạn muốn bước đi mãi mãi trong ý muốn hoàn hảo của Đức Chúa Trời trong cuộc đời mình.

Thi thiên 100

THI THIÊN THỜ PHƯỢNG

*Hỡi cả trái đất,
Hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giêhôva!
Khá hân hoan vì Đức Giêhôva cách vui mừng,
Hãy hát xướng mà đến trước mặt Ngài.
Phải biết rằng Giêhôva là Đức Chúa Trời.
Chính Ngài đã dựng nên chúng tôi,
Chúng tôi thuộc về Ngài;
Chúng tôi là dân sự Ngài,
Là bầy chiên của đồng cỏ Ngài.
Hãy cảm tạ mà vào các cửa Ngài,
Hãy ngợi khen mà vào hành lang Ngài,
Khá cảm tạ Ngài, chúc tụng danh của Ngài.
Vì Đức Giêhôva là thiện;
Sự nhân từ Ngài hằng có mãi mãi,
Và sự thành tín Ngài còn đến đời đời.*

Thi thiên 100 được xác định là Thi thiên thờ phượng. Thi thiên này cho chúng ta biết thờ phượng là gì. Thờ phượng là đến trước sự hiện

diện của Đức Chúa Trời. Có sự hiện diện thiêng liêng của Đức Chúa Trời, và đến trước sự hiện diện thiêng liêng của Ngài là cốt lõi của sự thờ phượng. Trong Thi thiên của Đavít, không những ông định nghĩa về sự thờ phượng, nhưng qua một thí dụ, ông cũng bày tỏ cho chúng ta biết cách thờ phượng nữa.

Trong thời Cựu ước, có một nghi thức kèm theo khi một người được gọi đến trước mặt vua. Trước hết người ấy vào một chỗ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng trong cung. Nếu vị vua đó là một vị đại đế, thì người khách sẽ được đưa đến chỗ có nhiều hành lang dài, mỗi hành lang có lính đứng dọc hai bên, trước khi bước qua hai cánh cổng đồ sộ và cuối cùng có một người dẫn đường đưa người khách vào diện kiến vua.

Là vua, nên Đavít quen thuộc với nghi thức này. Ông chọn nghi thức đó như là một thí dụ để minh họa cho định nghĩa của ông về sự thờ phượng và “cách thức” thờ phượng. Theo Đavít, thờ phượng là bước vào trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời được bắt đầu với “cửa cảm tạ” (4^a). Chúng ta nên bắt đầu sự thờ phượng bằng sự cảm tạ về tất cả các phước hạnh của chúng ta. Sự cảm tạ dẫn đến sự thờ phượng. Một tấm lòng biết ơn là cánh cửa đưa chúng ta đến trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Đavít bổ sung vào thí dụ của ông khi ông viết các cửa cảm tạ đưa vào hành lang ngợi khen (4^b). Khi bắt đầu thờ phượng với sự cảm tạ, chúng ta sẽ thấy rằng chính chúng ta đang ngợi khen Đức Chúa Trời. Chúng ta đang di chuyển từ chỗ cảm tạ Đức Chúa Trời về những phước hạnh đến chỗ nói với Đức Chúa Trời về chính Ngài và ngợi khen Ngài vì Ngài là Đấng nào. Khi chúng ta đi qua “cửa cảm tạ”, sự chú mục của chúng ta hướng về bàn tay của Đức Chúa Trời, nơi mà chúng ta đã nhận được rất nhiều điều. Nhưng khi chúng ta bước vào hành lang ngợi khen, sự chú mục của chúng ta hướng về mặt của Ngài.

Trải qua nhiều thế kỷ, các vĩ nhân xưa đã nói rằng cánh cửa dẫn chúng ta vào trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời chính là cánh cửa ngợi khen. Trong thí dụ được mặc khải của Đavít, cánh cửa dẫn vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời là sự ca hát. Đavít viết: “Hãy

hát xướng mà đến trước mặt Ngài”(2^b). Chính Đavít là người kết hợp âm nhạc và sự thờ phượng vào với nhau. Ông có bốn ngàn người Lêvi không làm gì cả ngoài việc ngợi khen Đức Chúa Trời với các loại nhạc khí mà ông đã sáng chế ra cho mục đích đó (ISử ký 23:5).

Nhiều khi trong cuộc sống chúng ta cần biểu lộ những điều không thể nói ra bằng lời. Đó là vì sao hai người yêu nhau trao cho nhau những dấu hiệu buồn cười mà về sau khiến họ cảm thấy ngượng ngịu. Họ đang cố biểu lộ cho nhau tình yêu không thể nói ra. Nhu cầu đó hết sức cần thiết khi chúng ta bước vào sự hiện diện thánh của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ban cho chúng ta phép mầu của âm nhạc để biểu lộ sự thờ phượng, im lặng trong sự hiện diện thánh của Ngài. Đức Chúa Trời ban cho chúng ta điều tuyệt diệu là âm nhạc để bày tỏ sự thờ phượng không thể biểu lộ được trước sự hiện diện siêu nhiên của Ngài. Theo Đavít, âm nhạc mở cánh cửa bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

Khi chúng ta bước vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, chúng ta có thể kinh nghiệm những điều mà trước đây chúng ta chỉ biết bằng lý trí. Trước hết, chúng ta biết chắc rằng Ngài là Đức Chúa Trời. Khi thờ phượng, chúng ta nhận biết Chúa là Đức Chúa Trời và chúng ta là bầy chiên của đồng cỏ Ngài (3). Đây là điều mà Phaolô muốn nói khi ông viết: *“Nếu không cảm Đức Thánh Linh, cũng chẳng ai xưng Đức Chúa Jêsus là Chúa!”* (ICôrinhtô 12:3).

Dựa trên kinh nghiệm chúng ta biết “Đức Chúa Trời là tốt lành”. Chúng ta thường không chịu đầu phục Đức Chúa Trời cách hoàn toàn bởi lẽ thay vì tuyên xưng “Đức Chúa Trời là tốt lành”, chúng ta diễn đạt bằng hành động rằng “Đức Chúa Trời thật đáng kinh sợ”. Thi thiên này muốn nói rằng trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, chúng ta không chỉ biết “Ngài là Đức Chúa Trời”, mà còn biết “Ngài là tốt lành” (5^a). Ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta là tốt đẹp, bởi vì Ngài, chính Ngài, là tốt lành.

Trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, chúng ta biết rằng Ngài muốn muôn dân trên đất đến trước sự hiện diện của Ngài và hiểu những gì mà bây giờ chúng ta đang hiểu. Câu đầu tiên của Thi thiên này bắt đầu bằng từ ngữ *“hỡi khắp các miền”* hoặc *“hỡi cả trái đất”*;

câu cuối cùng kết thúc với chữ: *“mọi dân tộc”* (5^c). Những người đến thờ phượng Đức Chúa Trời biết rằng Ngài mong muốn mọi người nhận biết Ngài. Trong Kinh thánh và lịch sử Hội thánh có rất nhiều câu chuyện về những người có kinh nghiệm sâu xa khi đến với Đức Chúa Trời và điều đó khiến họ kết quả cho Ngài.

Những kinh nghiệm về sự thờ phượng được nêu rõ trong câu thứ hai của Thi thiên này khi chúng ta được khích lệ *“Khá hầu việc Đức Giêhôva cách vui mừng”*. Khi chúng ta thật sự thờ phượng Đức Chúa Trời, chúng ta hầu việc Ngài với sự vui mừng chứ không phải vì bổn phận. Trong Thi thiên thờ phượng này, chúng ta học biết thờ phượng là gì, cách thức thờ phượng, điều gì xảy ra khi chúng ta thờ phượng và kết quả của một sự kinh nghiệm thật khi thờ phượng.

Thi thiên 34

PHƯƠNG THUỐC CHO NGƯỜI THẤT BẠI

Thi thiên 34 là một Thi thiên diễn tả cảm xúc hoặc cầu nguyện, thậm chí Thi thiên này cũng được xem là Thi thiên thờ phượng và dạy dỗ. Câu mở đầu Thi thiên 34 vẽ lên cho chúng ta bức tranh lịch sử, nói về thời kỳ đen tối trong cuộc đời của Đavít khi ông trốn khỏi Saulơ và trở thành một kẻ lưu vong. Thời kỳ đen tối đó được diễn tả trong ISamuên 21 và 22. Khi Đavít trốn khỏi Saulơ và trở thành kẻ thù công khai số một, để tự bảo vệ và sống sót, Đavít thậm chí đã dự tính hợp tác quân sự với một vua Philitin. Khi việc đó thất bại, Đavít trở thành một người lưu vong và sống trong hang động, hoang mạc. Tại đó, Đavít ở chung với những người sầu khổ, nợ nần và cùng khốn (ISamuên 22:2). Theo phong tục cổ xưa, bị mắc nợ có nghĩa là bạn có nguy cơ bị chủ nợ bỏ tù, như trong ẩn dụ của Chúa Jêsus ở Mathiơ chương 18. Thật thích thú khi nhận ra rằng đây là lần gặp gỡ đầu tiên của Đavít với những người mà sau này được nêu rõ là *“những đồng sĩ của Đavít”*.

Thi thiên 34 tóm lược những gì Đavít đã giảng giải cho những người lưu vong và thất bại, là những người trở thành đồng sĩ, vì họ hiểu và tin vào điều cơ bản mà Đavít giảng giải cho họ. Phương thuốc của

Đavít cho sự thất bại có thể được tóm tắt như thế này: “Có ba loại người trong nhà thờ, bạn thuộc hạng người nào?”

Người Đầy Hy Vọng

Những người có niềm hy vọng tin rằng vẫn còn có điều tốt lành trong cuộc đời này và tìm kiếm điều đó. Đức Chúa Trời đặt để sự hy vọng trong mỗi tấm lòng con người. Đức Chúa Trời đặt để sự hy vọng trong lòng chúng ta bởi vì sự hy vọng sẽ đưa chúng ta đến đức tin. Đó là lý do vì sao mà Kinh thánh dạy chúng ta rằng đức tin là bằng chứng vững vàng của những điều đang trông mong, hy vọng. Đó là đức tin dẫn chúng ta đến với Đức Chúa Trời.

Mỗi năm ở Mỹ có khoảng 25.000 đến 30.000 người tự tử. Các nhà chuyên khoa tâm thần và tâm lý buộc phải đưa ra lời giải thích về nguyên do dẫn đến tình trạng này. Một trong các câu trả lời của họ là sở dĩ người ta muốn tự tử vì mất hy vọng. Khi người ta không còn tin rằng những điều tốt lành sẽ đến với mình nữa, họ muốn tự tử.

Thật là một bi kịch khi mà mỗi năm ở Mỹ có từ 25.000 đến 30.000 người tự tử! Không ngạc nhiên chút nào khi nhận ra rằng có 250 triệu người ở nước Mỹ không có hy vọng, phải không? Chúng ta có sự hy vọng vì chúng ta được sanh ra với sự hy vọng trong lòng ta. Ý định của Đức Chúa Trời khi ban sự hy vọng trong lòng chúng ta là để đưa chúng ta đến đức tin. Đó là chương trình của Đức Chúa Trời để đưa chúng ta đến sự thông công, tương giao với Ngài.

Theo sứ đồ Phaolô, ba phẩm chất cuối cùng còn lại trong cuộc đời chúng ta là hy vọng, đức tin và yêu thương (ICôrinhtô 13:13). Tình yêu thương là phẩm chất lớn nhất trong ba điều này vì yêu thương dẫn chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Khi chúng ta kinh nghiệm tình yêu thương mà Phaolô diễn tả, thì chúng ta ở trong Ngài. Cụm từ quen thuộc: “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” có nghĩa là ở đâu có tình yêu thương, ở đó có Đức Chúa Trời.

Người Thất Vọng (34:16-21)

Cũng có người không có niềm hy vọng. Người nào cố ý chống nghịch Đức Chúa Trời thì không có hy vọng. Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp bạn, thì ai có thể đối nghịch với bạn được? Nhưng nếu Đức Chúa

Trời nghịch lại với bạn thì ai có thể vừa giúp bạn được? Sứ đồ Phaolô đã đồng ý với các thầy thông giáo ngày xưa, như Gamaliên, khi ông viết: “Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” Ngược lại cũng là chân lý: “Nếu Đức Chúa Trời nghịch lại chúng ta, thì ai có thể vừa giúp chúng ta được?” (Rôma 8:31; Công vụ 5:34-40). Một người chống nghịch Đức Chúa Trời thì đang làm cho đời mình vô vọng. Đavít giảng giải: “Mặt Đức Giêhôva làm nghịch cùng kẻ làm ác, dặng diệt kỷ niệm chúng nó khỏi đất. Sự dữ sẽ giết kẻ ác; những kẻ ghét người công bình sẽ bị định tội”

Người Được Phước (34:15, 17-20, 22)

Kinh nghiệm và sự quan sát là trung tâm của niềm hạnh phúc và kết quả tích cực của người kính sợ Đức Chúa Trời, cùng những hậu quả tiêu cực và nỗi bất hạnh của người không tin kính. Sự quan sát đó là tiêu chuẩn tổng quát trong cuộc sống này. Sách Gióp và nhiều thánh văn khác từng cảnh báo bạn: “Đừng bao giờ nói luôn luôn” và “Đừng bao giờ nói không bao giờ!” (Tham khảo: “Ba mươi nguyên do của Kinh thánh tại sao con dân Đức Chúa Trời chịu khổ” là phần bổ sung cho phần chú giải về sách Gióp trong quyển sách nhỏ này). Ở cõi đời, sự quan sát của Đavít sẽ luôn phù hợp (Thi thiên 73).

Diễn Tiến (34:3-8)

Đavít thuật lại kinh nghiệm trong việc lẩn trốn và thất bại của cá nhân ông, đi dần lên từ chỗ vô vọng đến hy vọng và rồi trở thành người hạnh phúc. Hãy quan sát những lời công bố cá nhân của Đavít: “Tôi tìm cầu Đức Chúa Trời... Ngài đáp lời tôi... Ngài giải cứu tôi khỏi các điều sợ hãi... Kẻ khốn cùng này có kêu cầu!... Đức Chúa Trời nghe người, và giải cứu người khỏi các sự gian truân”. Đây là lời chứng cá nhân của Đavít về kinh nghiệm biến đổi của ông.

Phương Thuốc Của Đavít Cho Sự Thất Bại

“Khá nể thử xem Đức Giêhôva tốt lành dường bao!” (8), rồi sẽ khám phá ra rằng người tin cậy Đức Chúa Trời sẽ được phước! Qua kinh nghiệm tin Chúa cách cá nhân, nhận biết Đức Chúa Trời là tốt lành, bạn hy vọng kinh nghiệm được phước hạnh đó trong cuộc đời này.

Giao Ước Giữa Đavít Và Các Đồng Sĩ Của Ông

“Hãy cùng tôi tôn trọng Đức Giêhôva, chúng ta hãy cùng nhau tôn cao danh của Ngài!”(3) Giao ước này là lời mô tả tốt đẹp trong cộng đồng thuộc linh. Đây là lối giảng dạy khiến sản sinh ra những dũng sĩ của Đavít. Đừng quên rằng các đồng sĩ của Đavít từng là những người trốn tránh và thất bại, nợ nần, đau buồn và bất mãn khi Đavít gặp họ.

Nơi các đồng sĩ của Đavít, bạn lại thấy được chân lý này minh họa trong cuộc đời của những người như Môise, các vị quan xét, và chính bản thân Đavít. Lẽ thật ở đây là Đức Chúa Trời muốn thực hiện những điều phi thường qua những người rất tầm thường. Một Thi thiên như Thi thiên 34, và những việc làm phi thường của những đồng sĩ Đavít tô điểm thêm cho điều mà tôi gọi là bốn bí quyết thuộc linh. Những bí quyết này là:

- Tôi không là gì cả,
song Đức Chúa Trời mới là gì và Ngài ở cùng tôi.
- Tôi không thể,
nhưng Đức Chúa Trời có thể và Ngài ở cùng tôi.
- Tôi không muốn,
nhưng Đức Chúa Trời muốn, và Ngài ở cùng tôi.
- Tôi không làm được,
nhưng Đức Chúa Trời làm được, và Ngài ở cùng tôi.

Thi thiên 46

ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ NƠI NƯỞNG NẤU

*Đức Chúa Trời là nơi nường nấu và sức lực của chúng tôi,
Ngài sẵn giúp đỡ trong cơn gian truân.
Vì vậy, chúng tôi chẳng sợ dầu đất bị biến cải,
Núi lay động và bị quăng vào lòng biển;
Dầu nước biển âm âm sôi bọt,
Và các núi rung động vì cơ sự chuyển dật của nó.
(Sêla)*

*Có một ngọn sông,
Dòng nước nó làm vui thành Đức Chúa Trời,
Là nơi thánh về chỗ ở của Đấng Chí Cao.
Đức Chúa Trời ở giữa thành ấy;
Thành ấy sẽ không bị rung động.
Vừa rạng đông Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ nó.
Các dân náo loạn, các nước rung động;
Đức Chúa Trời phát tiếng, đất bèn tan chảy.
Đức Giêhôva vạn quân ở cùng chúng tôi;
Đức Chúa Trời Giacóp là nơi nường nấu của chúng tôi. (Sêla)
Hãy đến nhìn xem các công việc của Đức Giêhôva,
Sự phá tan Ngài đã làm trên đất là dường nào!
Ngài dẹp yên giặc cho đến đầu cùng trái đất,
Bể gãy các cung, chặt các giáo ra từng miếng,
Và đốt xe nơi lửa.
Hãy yên lặng và biết rằng Ta là Đức Chúa Trời;
Ta sẽ được tôn cao trong các nước,
Cũng sẽ được tôn cao trên đất.
Đức Giêhôva vạn quân ở cùng chúng tôi;
Đức Chúa Trời Giacóp là nơi nường nấu của chúng tôi. (Sêla)*

Trước giả Thi thiên xưa viết cho con cháu Kôrê, khái niệm về một ngọn núi bị đổ sập vào trong lòng biển là một ẩn dụ gây sửng sốt không thể tưởng tượng được. Trọng tâm sứ điệp của những người Lêvi là khi thế giới quanh ta hoặc thế giới riêng tư bị sụp đổ, chúng ta cần yên lặng trong một thời gian dài để biết Đức Chúa Trời là Đấng nào – và ý muốn của Ngài là gì (10). Cả thế giới chứng kiến tòa tháp đôi “Trung tâm thương mại thế giới” ở Mỹ nổ tung. Đó là một thí dụ điển hình về một ẩn dụ không thể hình dung ra được, là hình ảnh một ngọn núi bị quăng vào lòng biển.

Chúng ta cần hướng về thực tế trong thế gian này: có những giá trị tạm thời và những giá trị vĩnh cửu. Ẩn dụ của trước giả Thi thiên nêu lên khái niệm về giá trị tạm thời và vĩnh cửu cùng đi đôi với nhau, như là một dòng sông chảy qua thế giới tự hủy hoại, vật chất và tạm thời này, và dòng sông đó không thể bị dời đổi (hủy diệt). Đức Chúa Trời ở

giữa sông ấy. Dòng sông chảy qua thế giới này, đem đến sự vui mừng lớn khi nó chảy vào trong thành đời đời của Đức Chúa Trời. Dòng sông ám chỉ về con dân của Đức Chúa Trời, là những người có sự sống đời đời bởi vì họ đã liên kết với Đức Chúa Trời Hằng Sống. Trong thời sứ đồ Giăng, con dân của Đức Chúa Trời được diễn tả như thế này: *“Vả thế gian với sự tham dục nó đều qua đi, song ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời”* (IGiăng 2:17).

Dòng sông không hề đổi dời ám chỉ về những giá trị vĩnh hằng chảy qua thế giới vật chất và tạm thời này. Trước giả Thi thiên đang muốn nói với chúng ta rằng, khi thế giới vật chất và hào nhoáng này sụp đổ, chúng ta vẫn cứ hướng về Đức Chúa Trời Chân thật, và mọi vật có liên hệ với Đức Chúa Trời đều vĩnh hằng!

Tân ước dạy chúng ta không thể đến với Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Ngài trừ phi chúng ta nhìn biết Đức Chúa Trời hiện hữu (Hêbơr 11:6). Theo Thi thiên quan trọng này, khi thế giới này sụp đổ, sau khi chúng ta đã khẳng định sự thực hữu lớn lao rằng Đức Chúa Trời hiện hữu, chúng ta cũng cần im lặng để biết ý muốn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời muốn được tôn cao giữa các nước và trên cả trái đất. Thi thiên 46 nói, trong lúc gặp tai ương, chúng ta cần yên lặng và nhận biết Đức Chúa Trời có chương trình cho thế giới và mỗi cuộc đời chúng ta.

Thi thiên này còn có nhiều từ ngữ đem sự an ủi và gọi lên viễn cảnh thuộc linh cho chúng ta khi thế giới vật chất và tư kỷ này đi đến chỗ tự hủy diệt. Nếu các bạn dò xem phần chú thích trong bản American Standard Bible, bạn sẽ khám phá ra rằng các trước giả Thi thiên này muốn nói với chúng ta Đức Chúa Trời là Đấng “cung ứng dư dật, có thể giúp đỡ chúng ta trong thế giới nhỏ bé này”. Khi họ bảo chúng ta hãy cứ yên lặng và nhận biết Đức Chúa Trời là Đấng nào, và ý muốn của Đức Chúa Trời là gì, họ đã viết: “Hãy yên nghỉ, hãy thôi tranh đấu, hãy đi tới, và biết (bằng kinh nghiệm và tương giao) rằng Ta là Đấng nào, và biết mọi điều trong lời Ta nói Ta là ai. Cũng hãy biết rằng, Ta ở với người trong lúc tai ương, và Ta có một ý định để đáp ứng với hoàn cảnh rắc rối của người”.

Khi con dân của Đức Chúa Trời chịu khổ qua việc mất mát tài sản trên đất bởi thiên tai như là động đất, lụt lội, cháy, hoặc do con người gây ra như chiến tranh, thậm chí không còn gì tốt lành qua những thảm kịch này, thì đôi lúc Đức Chúa Trời cũng dùng những tai ương này để dạy dỗ con dân của Ngài về sự khác nhau giữa của cải trên thiên đàng và của cải thế gian. Chúa Jêsus dạy chúng ta hãy cất giữ của cải trên thiên đàng bởi vì của cải thế gian không giá trị và kẻ trộm có thể cướp lấy (Mathiơ 6:19-21).

Cũng hãy xem Thi thiên này như là Thi thiên tiên tri bởi vì chúng dùng từ ngữ mà các tiên tri và sứ đồ gọi là “ngày của Chúa”. Khi các tiên tri tiên đoán một sự kiện, đôi khi họ tỏ ra như việc đó đã xảy ra rồi. Điều này được gọi là “lời tiên tri theo thể hoàn thành”. Trước giả Thi thiên này nói đến ngày của Chúa như thể đã xảy ra rồi, và họ đang nói về thời gian thực hiện sự tàn phá, phương cách các nhà cầm quyền hoặc người lãnh đạo quốc gia đang bay đến các vùng thiên tai để xử lý các vụ thiệt hại. Trong văn cảnh đó, các câu mở đầu và kết thúc được lặp lại, chúng ta được thách thức hãy ở yên lặng và biết rằng Đức Chúa Trời là Đấng nào, và ý muốn của Ngài là gì (46:1,10-11). Cả Kinh thánh nói với chúng ta về ngày của Chúa *“sẽ đến như kẻ trộm. Bấy giờ các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi, các thể chất bị đốt mà tiêu tán, đất cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đốt cháy cả. Vì mọi vật đó phải tiêu tán thì anh em đáng nên thánh và tin kính trong mọi sự ăn ở của mình là dường nào”*.

Lúc tòa tháp đôi trung tâm thương mại thế giới ở Mỹ đổ xuống cùng sự mất mát hàng ngàn nhân mạng, dấu chỉ mang biểu tượng về giá trị vật chất ở thế gian này của hàng triệu người đã bị phá hủy. Đức Chúa Trời không dính líu gì đến sự khủng bố, và cũng không sung sướng gì về những thảm kịch mà chúng ta đang chịu dưới bàn tay của những con người gian ác. Tuy nhiên, đôi lúc Đức Chúa Trời dùng tai họa để thức tỉnh con dân Ngài hướng về những giá trị thuộc linh và đời đời. Đó là điều cốt lõi trong sứ điệp của Thi thiên này mà con cháu Kôrê đã trước tác.

Chương 4

SÁCH CHÂM NGÔN

Khi bước vào lãnh vực kinh doanh, bạn đạt được hai điều: Tiền bạc và kinh nghiệm. Khi một người tin kính kinh doanh, họ sẽ tích lũy được kinh nghiệm, còn người thuộc về thế gian thường thu lấy tiền bạc. Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sách Châm ngôn hầu cho chúng ta không tiêu phí cả cuộc đời để học hỏi mọi sự chỉ bởi kinh nghiệm.

Sách châm ngôn là sách thực tế nhất trong Kinh thánh. Salômôn đã viết 3.000 câu châm ngôn (ICác Vua 4:29-34). Ông cũng chia sẻ với chúng ta gần 1.000 câu châm ngôn được mặc khải trong Kinh thánh. Ông được xem là người khôn ngoan nhất từng sống trên đất. Trong Châm ngôn, ông và một số người thông thái cùng thời, đã dạy chúng ta cách sống hữu ích trong mọi lãnh vực.

Salômôn còn viết hơn 1.000 bài thơ ca. Trong Châm ngôn, chúng ta tìm thấy gần 1.000 câu của Salômôn, và còn có một bài thơ của ông được đưa vào Kinh thánh, đó là sách Nhã ca. Salômôn không viết cả sách Châm ngôn. Ông góp nhặt các lời khôn ngoan của những người thông thái khác, và những người này cũng sưu tập một số câu châm ngôn của Salômôn mà chúng ta đọc được trong Kinh thánh.

Chín chương đầu đề cập một cách rõ ràng về mục đích của sách, dạy về sự khôn ngoan. Từ chương 10:1-22:16 là các câu châm ngôn của Salômôn. Các câu châm ngôn của những người thông thái khác được tìm thấy từ chương 22:17 - 24:34, và một số câu châm ngôn của Salômôn mà Êxêchia góp nhặt được sắp xếp trong các chương 25 - 29. Chương 30 ghi lại các câu châm ngôn của Agur. Chương 31 gồm các câu châm ngôn của vua Lêmuên, là những lời ông nhận được từ mẹ mình. Từ chương 1 đến 10 được viết cho thanh niên, từ 11 đến 20 cho tất cả mọi người, từ 21 đến 31 cho những người cai trị.

Qua Salômôn, người được công nhận là khôn ngoan nhất (ICác Vua 4:31), trong một vài phương diện, ông cũng là người từng thất bại lớn nhất. Trong khi tôi quan sát sự nghiên cứu của chúng ta về các sách lịch sử, vương quốc bị chia đôi và phụ tù là do hậu quả tội lỗi của

Salômôn hơn là do Đavít, cha của ông. Làm sao một người thất bại như vậy lại dạy dỗ cho con dân của Đức Chúa Trời về cách sống?

Có nhiều lời giải đáp cho câu hỏi này. Tính chất khôn ngoan của các câu châm ngôn không tùy thuộc vào việc trước giả có áp dụng nó vào cuộc sống của chính mình hay không. Sách này trình bày những lời khôn ngoan được Đức Chúa Trời mặc khải, cũng vậy, các câu châm ngôn, Thi thiên 127, và sách Truyền đạo được Salômôn viết ra để dạy dỗ thanh niên hầu cho họ có thể tránh những sai lầm như ông. Ông học được nhiều điều từ lỗi lầm của mình, và ông muốn truyền đạt cho người khác, đặc biệt là giới trẻ về sự khôn ngoan mà ông đã học cách chừa chất.

Khi Salômôn trình bày mục đích của những câu châm ngôn này, ông viết:

*“Ta đã dạy dỗ con đường khôn ngoan,
Dẫn con đi trong các lối ngay thẳng.
Vì vậy chúng nó sẽ ăn bông trái của đường lối mình,
Và được no nê mưu chước của mình riêng.
Kính sợ Đức Giêhôva, ấy là khởi đầu sự khôn ngoan;
Sự nhìn biết Đấng Thánh, đó là sự thông sáng”.*

(Châm 4:11; 1:31; 9:10)

Nói một cách khác, nhiệm vụ chủ yếu của Salômôn là tóm lược kinh nghiệm của cuộc đời ông. Ông đã từng thất bại và muốn chúng ta rút ra những bài học khôn ngoan qua sự thất bại và hậu quả của nó. Một trong những cách học hỏi hiệu quả nhất là học đối phó với hậu quả từ sự chọn lựa đại dột và tội lỗi của chúng ta. Khi chúng ta nếm trải hết những khủng khiếp của con đường mà chúng ta lựa chọn, chúng ta phải trả một giá đắt để đạt lấy sự khôn ngoan vô giá và chúng ta chứng minh bằng kinh nghiệm rằng “một đời sống ăn hiền ở lành là một đời sống khôn ngoan nhất”.

Vì yêu thương chúng ta, Đức Chúa Trời luôn dạy chúng ta điều đúng. Ngài muốn chúng ta làm điều ngay thẳng vì biết rằng kết quả sẽ là tốt lành. Khi Đức Chúa Trời tuyên bố điều gì là sai, ấy vì Ngài biết hậu quả kinh khiếp của nó.

Cảnh Báo Về Dâm Phụ

Châm ngôn 5:15-19 là lời nhắc nhở cho thanh niên và cảnh báo họ về sự cám dỗ của dâm phụ. Các câu này dạy cách đề phòng tốt nhất để chống lại sự phạm tội đồi bại là có một hôn nhân tốt đẹp. Người thanh niên nên say mê tình yêu của vợ luôn luôn. Salômôn viết: *“Nguyện nguồn mạch con được phước; Con hãy lấy làm vui thích nơi vợ con cưới buổi đang thì”,* hầu cho khi họ đi vào thế gian, họ sẽ không bị làm hại bởi dâm phụ. Họ sẽ không bị làm hại bởi nhu cầu tình dục khi gặp gỡ. Sự cảnh báo của Salômôn cho người đàn ông khi bị dính vào tội này là *“Bị dây tội lỗi mình vẩn buộc lấy. Nó sẽ chết vì thiếu lời khuyên dạy, và bị lầm lạc vì ngu dại quá”* (22-23).

Tự Chủ

Dạy về tầm quan trọng của sự tự chủ, Salômôn nói rằng: *“Hỡi kẻ biếng nhác, hãy đi đến loài kiến; khá xem xét cách ăn ở nó mà học khôn ngoan. Tuy nó không có hoặc quan tướng, hoặc quan cai đốc, hay là quan trấn”(6:6-7).* Khi chúng ta là thanh niên, cha mẹ và thầy giáo ở gần bên cạnh, bày tỏ kỳ vọng và chịu trách nhiệm về chúng ta. Tuy nhiên, khi đã trưởng thành, chúng ta được yêu cầu phải tự quản lý và tự chủ. Theo Salômôn, chúng ta hãy học sự tự chủ từ loài kiến, là loài không có sự giám sát, song trong mùa hè và mùa gặt đã thấu trữ nhu cầu sẵn dùng cho cả năm.

Ban Cho Và Nhận Lãnh

Có một bài học trong sách Châm ngôn tương tự với sự dạy dỗ của Chúa Jêsus trong Tân ước (11:24-25), đó là: *“Có người rải của mình ra, lại càng thêm nhiều lên; cũng có người chất lót quá bực, nhưng chỉ được sự thiếu thốn. Lòng rộng rãi sẽ được no nê; còn ai nhuần gột, chính người sẽ được nhuần gột”.* Câu châm ngôn này dạy chúng ta rằng linh hồn chúng ta được nuôi dưỡng khi chúng ta rộng rãi, và nó khô héo khi chúng ta ích kỷ. Nếu chúng ta cất giữ mọi thứ chúng ta có, thì chúng ta mất tất cả, nhưng ban cho cách rộng rãi, chúng ta lại trở nên giàu có. Chúa Jêsus bày tỏ nguyên tắc tương tự khi Ngài dạy dỗ rằng chúng ta sẽ mất sự sống nếu chúng ta giữ nó (Mathiơ 16:24-27; Công vụ 20:35). Theo sự dạy dỗ của Chúa Jêsus, nếu bạn thật sự muốn

tìm sự sống của bạn, thì phải chịu mất nó, tuôn đổ nó ra, hoặc dâng hiến sự sống mình cho Đức Chúa Trời và người khác.

Các bạn có thể ước ao góp nhặt sự khôn ngoan trong sách Châm ngôn bởi vì đó là sách nói về sự khôn ngoan. Hãy nhớ mục đích của Salômôn khi biên soạn các câu châm ngôn này. Mục đích để cho người khôn ngoan có thể trở nên người lãnh đạo khôn ngoan; người đơn sơ có thể trở nên khôn ngoan và giúp người ta nhận thức được làm thế nào để sống ngay thẳng.

Vì có 30 hay 31 ngày trong một tháng, người thanh niên nên dùng sách này như một quyển lịch và đọc mỗi chương châm ngôn tương ứng với mỗi ngày trong tháng. Tôi đề nghị bạn hãy lập một bảng biểu có 12 cột dọc. Trên đầu bảng, hãy viết tiêu đề như là sự tự chủ, phụ nữ, kỷ luật đối với trẻ em .v.v. và .v.v. Khi bạn đọc suốt sách này, hãy đặt câu châm ngôn tham khảo liên quan đến tiêu đề đó. Khi bạn đã hoàn tất, bạn sẽ có một chỉ mục các đề tài chính do từ sách Châm ngôn này dạy dỗ.

Các từ: Lòng, linh và hồn được đề cập bảy lần trong sách này, cho chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời chú tâm đến lòng, linh và hồn của chúng ta khi Ngài muốn dạy chúng ta cách để sống ngay thẳng. Có một câu châm ngôn, được nhiều người quan tâm khi đọc sách này: *“Hãy hết lòng tin cậy Đức Giêhôva, chớ nương cậy nơi sự thông sáng của con; Phàm trong các việc làm của con, khá nhận biết Ngài, Thì Ngài sẽ chỉ dẫn các nẻo của con”.*

Chương 5

SÁCH TRUYỀN ĐẠO

Sách Truyền đạo nói với mỗi lòng con dân Đức Chúa Trời khi họ tìm câu trả lời cho những nan đề rắc rối, tiến thoái lưỡng nan trong cuộc sống. Chữ “Truyền đạo” có nghĩa là “người dạy dỗ”, và sách dùng hai chữ này làm tựa đề. Thực sự đây là bài giảng của Salômôn dạy cho thanh niên về sự cuối cùng của cuộc sống. Tiếng nói trong bài giảng của ông là một giáo sư đầy kinh nghiệm, rất thuyết phục. Nhưng kinh nghiệm không phải là thầy giáo duy nhất, và chúng ta không học tập mọi điều chỉ bằng kinh nghiệm. Người giảng chủ trương cho thế hệ thanh niên học từ kinh nghiệm của chính ông. Bài giảng này được mặc khải về một người được xem là nổi tiếng khôn ngoan đã từng sống, với tất cả sự khôn ngoan của mình, ông đã siêng năng tìm kiếm như thế nào để hiểu ý nghĩa và mục đích của cuộc sống. “Lời kết của sự khôn ngoan”, Đức Chúa Trời dùng bài giảng này để bày tỏ với dân Ngài khi họ tìm kiếm, nghiên cứu, học hỏi, thắc mắc và ngay cả khi nghi ngờ.

Khảo Sát Tóm Tắt Về Sách Truyền Đạo

Sách Truyền đạo là sách thi văn thứ hai của Salômôn. Đây là bài giảng Salômôn dành cho thanh niên Ysơraên khi ông đã về già. Như chúng ta đã học trong Thi thiên 127, Salômôn xét lại cuộc đời của ông từ quan điểm và sự thuần thực của tuổi già, với sự khôn ngoan tích lũy được qua nhiều năm, ông thú nhận rằng ông đã làm việc rất khó nhọc, luôn bận tâm xây dựng nhiều công trình vô ích. Bài giảng này là bài mở rộng của Thi thiên 127. Ông đưa ra bài giảng này với niềm hy vọng là thanh niên sẽ nhận được những bài học từ kinh nghiệm đau buồn của ông.

Ba Cuộc Truy Tìm Ý Nghĩa

Trong sách Truyền đạo, Salômôn nói với thanh niên Ysơraên rằng ông cố gắng tìm kiếm ý nghĩa và mục đích của cuộc đời trong ba lãnh vực và tại điểm cuối mỗi cuộc tìm kiếm, ông chỉ thấy hư không mà thôi.

Điều này khiến cho người ta ưa thích lời dạy của ông. Trong một Thi thiên ngắn, ông thú nhận sự thất bại của mình:

*Nếu Đức Giêhôva không cất nhà,
Thì những thợ xây cất làm uổng công.
Nhược bằng Đức Giêhôva không coi giữ thành,
Thì người canh thức canh luống công.
Uổng công thay cho các người thức dậy sớm,
Đi ngủ trễ, và ăn bánh lao khổ;
Chúa cũng ban giấc ngủ cho kẻ Ngài yêu mến bằng vậy.
Kìa, con cái là cơ nghiệp bởi Đức Giêhôva mà ra;
Bông trái của tử cung là phần thưởng.
Con trai sanh trong buổi đang thì,
Khác nào mũi tên nơi tay đồng sĩ.
Phước cho người nào vắt nó đầy gùi mình!
Người sẽ không hổ thẹn,
Khi nói năng với kẻ thù nghịch mình tại cửa thành.*
(Thi thiên 127)

Chúng ta thấy một số từ được dùng thường xuyên trong bài giảng của Salômôn về mục đích và ý nghĩa của cuộc sống:

Giàu có

Salômôn thuyết giảng rằng ông từng tìm mục đích và ý nghĩa của cuộc sống qua việc tích lũy của cải, và ông trở thành người giàu có nhất. Tuy nhiên, khi ngắm nhìn sự giàu có của mình qua mạng lưới của cái chết, ông nói: “*Ta cũng ghét mọi công lao ta đã làm ở dưới mặt trời, vì phải để lại cho người sau mình*” (Truyền đạo 2:18).

Salômôn gặp một người đàn độn nơi phố chợ và chợt nghĩ rằng người thừa hưởng sự giàu có của ông cũng có thể sẽ giống như người đó. Sự thật không thể phủ nhận là điều này rất có khả năng xảy ra khiến Salômôn lấy chữ “Hư không” làm chủ đề trong suốt hành trình truy tìm ý nghĩa của sự giàu có.

Khôn Ngoan

Khi Salômôn nhận ra rằng giàu có không phải là mục đích và ý nghĩa của cuộc sống, ông đã theo đuổi sự khôn ngoan. Ông trở nên

người khôn ngoan nhất, nhưng cũng không tìm được mục đích trong điều này. Ông đặt tựa đề cho sự giàu có là hư không vì ông không thể đem tiền bạc theo xuống mồ. Điều đó cũng lặp lại khi ông muốn đặt tựa đề cho việc tìm kiếm mục đích và ý nghĩa của cuộc sống trong sự khôn ngoan, vì ông thấy rằng ông không thể chuyển sự khôn ngoan thành hạnh phúc: “*Vì nếu sự khôn ngoan nhiều, sự phiền não cũng nhiều; ai thêm sự tri thức ắt thêm sự đau đớn*” (1:18).

Bức tượng của nhà tư tưởng không phải là hình ảnh của một người hạnh phúc. Ngu dốt là sự mãn nguyện đầy vui thích và dần dần, khi nó đặt trên căn bản là sự ngu muội. Vì có cố sức tìm kiếm tri thức cũng không làm tăng thêm hạnh phúc, nên Salômôn đã đặt tựa đề cho sự tìm kiếm mục tiêu và ý nghĩa cuộc sống của ông qua sự khôn ngoan cũng là Hư không.

Khoái Lạc

Cuộc tìm kiếm mục đích và ý nghĩa cuộc sống tiếp theo của Salômôn là lao vào sự vui chơi, phóng túng và buông thả. Ông buông mình vào mọi lạc thú của thế gian: “*Ta chẳng từ điều gì mất mình ước ao, cũng chẳng cấm điều gì lòng mình ưa thích*”(2:10^a). Chưa có người nào từng vui chơi tiệc tùng như Salômôn. Nhưng, sau khi thỏa mãn mọi khoái lạc, Salômôn tự hỏi: Nó mang lại điều tốt lành nào? Mục đích để làm gì? Và tôi đạt được điều gì qua đó? Salômôn khám phá tận đáy lòng rằng tiệc tùng, khoái lạc thâu đêm suốt sáng, không phải là mục đích của cuộc sống.

Nhận Định

Kết luận bài thuyết giảng, Salômôn nhận định với các thính giả trẻ tuổi rằng trong cuộc đời, ông đã học được một chân lý quan trọng nhất: “*Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài; ấy là trọn phận sự của người. Vì Đức Chúa Trời sẽ đem đoán xét các công việc, đến nỗi việc kín nhiệm hơn hết, hoặc thiện hoặc ác cũng vậy*”(12:13-14). Theo nguyên ngữ tiếng Hêbơrơ ngụ ý rằng sự kính sợ và giữ điều răn của Đức Chúa Trời làm cho bạn trở thành một người toàn vẹn. Sự kính sợ Đức Chúa Trời là khởi đầu sự khôn ngoan, đó là điều tất nhiên. Đây là mục đích mà Salômôn tìm kiếm suốt cả cuộc đời.

Với sự khôn ngoan, Salômôn lập luận cách chắc chắn là phải có một sự phán xét công bằng vì trong suốt bài thuyết giảng, ông nói rằng cuộc sống đầy dẫy sự bất công. Người ta thừa hưởng tiền của không bởi mình làm ra, người bị áp bức thì không nhận được sự an ủi, và những người có nhiều lại thường không thỏa lòng. Sự bất công, kỳ thị, bóc lột người nghèo, sự áp bức của kẻ ác, và nhiều tội ác khác vẫn chưa bị trừng trị, khiến cho Salômôn dễ dàng lập luận là phải có một sự phán xét công bằng.

Chân Lý Vàng Được Mặc Khải Trong Sách Truyền Đạo

Khi đọc xuyên suốt sách Truyền đạo, bạn sẽ khám phá phương thức hai chiều của chân lý. Lúc này, Salômôn dường như đang đóng vai một người theo chủ nghĩa hoài nghi, người hay dò hỏi và nghi ngờ - là người không có sự mặc khải từ Đức Chúa Trời, và lập luận đơn thuần như một người không thuộc linh, người thế gian - Lúc khác, ông lại suy nghĩ và nói như một người thuộc linh được Đức Chúa Trời mặc khải. Mặc dù thoát đầu tư tưởng Salômôn có nhiều sự nghi ngờ, nhưng chân lý mà ông trình bày lại giống như một người nào đó rất uyên thâm, giúp chúng ta hiểu rõ về mục đích và ý nghĩa của cuộc sống.

Hãy đọc câu này trong đoạn ba: “*Phàm sự gì có thì tiết; mọi việc dưới trời có kỳ định. Có kỳ sanh ra, và có kỳ chết; có kỳ trồng, và có kỳ nhổ vật đã trồng; có kỳ giết, và có kỳ chữa lành; có kỳ phá dỡ, và có kỳ xây cất; có kỳ khóc và có kỳ cười; có kỳ than vãn, và có kỳ nhảy múa*”(1-2). Sứ điệp này tương tự với sứ điệp trong Thi thiên thứ nhất, cho chúng ta biết về người được phước sẽ “*Sanh bông trái theo thì tiết*” (3^b). Việc Đức Chúa Trời làm trong đời sống mỗi người sẽ đến đúng thời điểm của Ngài.

Salômôn cũng giúp chúng ta hiểu thấu về hôn nhân khi ông viết: “*Hai người hơn một, vì họ sẽ được công giá tốt về công việc mình. Nếu người này sa ngã, thì người kia sẽ đỡ bạn mình lên; nhưng khôn thay cho kẻ ở một mình mà sa ngã, không có ai đỡ mình lên! Cũng vậy, nếu hai người ngủ chung thì ấm; còn một mình thì làm sao ấm được? Lại nếu kẻ ở một mình bị người khác thắng, thì hai người có thể chống cự nó; một sợi dây bện ba lấy làm khó đứt*”(4:9-12).

Khi Đức Chúa Trời thiết lập mối quan hệ hôn nhân, Ngài muốn người nam và người nữ hiệp làm một về tâm trí, thể xác và tâm linh. Kế hoạch của Ngài từ xưa đến nay là phải có chiều sâu ngày càng hơn về tâm linh và tâm trí phải biểu lộ sự vui mừng qua thể xác, đó là quan hệ tình dục. Salômôn có thể đã suy nghĩ như vậy khi ông nói một sợi dây bện ba lấy làm khó đứt. Khi xét trên phương diện hôn nhân, thì tình dục là một hình thức cao nhất của mối tương thông. Vì vậy, nếu như mối quan hệ thể xác không có chiều sâu về mặt tâm trí và tâm linh, thì cũng chỉ như quan hệ giữa loài vật mà thôi.

Trong chương thứ chín, Salômôn mô tả một thành phố được cứu nhờ sự góp ý của một người khôn ngoan: *“Vả, trong thành ấy có một người nghèo mà khôn, dùng sự khôn ngoan mình giải cứu thành ấy: Song về sau không ai nhớ đến người nghèo đó”* (14-15). Salômôn cho việc thành phố ấy bỏ quên người khôn ngoan là một sự bất công. Công sức của người khôn ngoan không được tưởng thưởng. Ông kết luận: *“Lời của người khôn ngoan được nghe tại nơi êm lặng còn hơn tiếng kêu la của kẻ cai trị trong đám đại dột”* (17). Đối với ông, sự hoàn tất công việc quan trọng hơn là việc nhận lấy lời khen ngợi nơi người khác.

Kết thúc bài giảng, ông khuyên nhủ thanh niên: *“Trong buổi còn thơ ấu hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hóa người, trước khi những ngày gian nan chưa đến, trước khi những năm tới mà người nói rằng: Ta không lấy làm vui lòng”* (12:1). Ông biết rằng tuổi trẻ là thời điểm hưởng phước hạnh và kết quả, nhưng cũng biết rằng không thể tránh khỏi tuổi già đang đến gần. Salômôn khuyên giục: *“Lại hãy tưởng nhớ Đấng Tạo Hóa trước khi dây bạc đứt, và chén vàng bể, trước khi vò vỡ ra bên suối, và bánh xe gãy ra trên giếng; và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó”* (6-7). Mọi người khi còn trẻ hãy làm điều ngay thẳng và sống tốt đẹp theo ý muốn Đức Chúa Trời, vì họ sẽ phải đối mặt với Ngài trong ngày sau rốt. Và cuối cùng, Salômôn xác định ý nghĩa của cuộc sống: *“Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài; ấy là trọn phận sự của người”* (13).

Chương 6

SÁCH NHÃ CA

Nhã ca là sách cuối cùng của các sách thi văn. Chúng ta biết rằng Salômôn đã viết 1.005 bài thơ ca, nhưng đây là bài duy nhất được giữ lại trong Kinh thánh. Nhã ca ghi lại cuộc trò chuyện lãng mạn giữa hai người yêu nhau. Khi ở tuổi 30, thanh niên Hêbơơ mới được đọc sách này.

Bạn có thể thắc mắc tại sao sách này lại được đứng chung với các sách được thần cảm khác trong Kinh thánh. Có nhiều lời giải đáp cho câu hỏi này. Đây là sách dạy về sự thánh khiết ở chốn khuê phòng. Trong Sáng thế ký, chúng ta biết Đức Chúa Trời phán rằng người nam ở một mình thì không tốt, do đó, Đức Chúa Trời tạo nên một người nữ để làm người ấy nên trọn vẹn. Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên họ là nam và nữ, Ngài kết hợp họ lại với nhau trong mối quan hệ thể xác. Theo tiến trình sáng tạo, sau khi tạo dựng xong, Ngài phán rằng mọi vật Ngài dựng nên đều tốt lành. Khi Đức Chúa Trời tạo ra tình dục, Ngài cũng phán rằng tình dục là “rất tốt”.

Nếu không có ý nghĩa nào sâu xa hơn trong sách Nhã ca, thì sứ điệp về sự thánh khiết trong tình dục cũng đủ quan trọng để quyển sách tuyệt vời này trở thành một phần trong thư viện thánh mà chúng ta gọi là Kinh thánh. Thật quan trọng nếu như các bậc cha mẹ dạy dỗ cho con cái biết rằng tình dục là điều tốt đẹp. Đó là sự kêu gọi phải dạy dỗ cho con cái biết dành tình dục cho hôn nhân, và không nên khiến cho chúng có ấn tượng tình dục là tội lỗi. Nếu làm cho con cái nghĩ tình dục là sai trái, thì chúng ta đã làm giảm đi sự hiểu biết đúng đắn về tình dục trong hôn nhân. Chúng sẽ có thái độ khắt khe về tình dục khi bước vào hôn nhân, điều đó sẽ làm ngăn trở sự đáp ứng của chính bản thân với người bạn đời cách nghiêm trọng.

Sách Nhã ca dạy rằng Đức Chúa Trời chúc phước, thánh hóa và xức dầu cho chốn khuê phòng và “niềm hạnh phúc của vợ chồng”. Khi đọc sách Nhã ca, bạn sẽ thấy rõ ý định của Đức Chúa Trời trong niềm

vui được biểu lộ qua sự thân mật yêu đương giữa vợ chồng trong hôn nhân.

Tấm lòng thành kính với một ý nghĩa sâu xa được tìm thấy trong sách Nhã ca. Người ta thấy có sự so sánh thâm thúy giữa mối quan hệ giữa hai người yêu nhau tương tự như mối tương giao của chúng ta với Đức Chúa Trời và với Đấng Christ, thường được diễn tả như mối quan hệ trong hôn nhân. Người ta tin rằng sách Nhã ca được đưa vào Kinh thánh để làm hình bóng về tình yêu của Đức Giêhôva dành cho dân Ysơraên. Khi đọc Tân ước, bạn sẽ thấy ẩn dụ về mối quan hệ yêu thương này cũng áp dụng cho Đấng Christ và Hội thánh. Đấng Christ là chàng rể và Hội thánh là nàng dâu (Mathiơ 25:1-13; Khải huyền 21:2, 17).

Ứng Dụng Thuộc Linh Trong Sách Nhã Ca

Biểu tượng cuối cùng trong sách này áp dụng cho sự quan hệ giữa tình yêu cá nhân của chúng ta đối với Đấng Christ Hằng sống. Trong Cựu ước, dân Ysơraên nhận mạng lệnh hãy yêu mến Đức Chúa Trời bằng tất cả tấm lòng. Chúa Jêsus xác nhận lời dạy này khi Ngài bị hỏi điều răn nào là lớn nhất trong luật pháp (Mathiơ 22:35-40). Mối quan hệ yêu thương cá nhân của mỗi người đối với Đức Chúa Trời và với Đấng Christ là hiện thân biểu tượng tốt đẹp giữa hai người yêu nhau. Sự diễn giải và áp dụng sách Nhã ca có thể làm cho quyển sách này trở thành quyển sách thuộc linh nhất trong Kinh thánh, dạy chúng ta về mối quan hệ thân mật với Đấng Christ phục sinh và hằng sống.

So Sánh Mối Quan Hệ Thuộc Linh Trong Sách Nhã Ca

Chàng rể trong sách Nhã ca, trước hết đưa nàng dâu vào phòng riêng của mình (1:4) rồi đưa đến phòng yến tiệc (2:4). Điều này muốn cho thấy rằng sự quan hệ của chúng ta với Đấng Christ phải có sự thân mật riêng tư trước khi biểu lộ công khai. Chúa Jêsus nói rõ điều này trong bài giảng trên núi. Ngài phê phán những người thường cầu nguyện và làm phước chốn đông người, vì việc làm của họ nhằm mưu cầu cho lợi ích của con người, chứ không vì Đức Chúa Trời (Mathiơ 6:5-7).

Chúa Jêsus nhấn mạnh rằng chúng ta nên cầu nguyện với Đức Chúa Trời trong nơi kín nhiệm và sự bố thí như là làm cho Chúa cách kín giấu. Martin Luther viết: “Chúa Thánh Jêsus, Con Trẻ hiền lành, hãy làm cho Ngài một chiếc giường, êm ái, tinh khiết trong lòng tôi, và tấm lòng này là căn phòng yên tịnh dành riêng cho chỉ một mình Ngài mà thôi”. Tấm lòng của bạn có phải là căn phòng yên tịnh dành riêng cho một mình Ngài không?

Trong sách Nhã ca, mặc dầu mối quan hệ giữa hai người yêu nhau bị đổ vỡ, thì cũng không phải do chàng rể. Hình ảnh này áp dụng cho sự quan hệ giữa chúng ta với Đấng Christ. Mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ có thể tiếp tục, nhưng khi sự thân mật bị đứt đoạn, bị đổ vỡ thì là do chúng ta chứ không phải Đấng Christ. Sự gây đổ giữa chúng ta và Đấng Christ không bao giờ là do Đấng Christ bỏ quên chúng ta mà chỉ do chúng ta không trung tín với Ngài.

Khi chàng rể đến phòng cô dâu, thì không được nàng mở cửa, do nàng đang rối lên vì bận xúc dầu thơm và sửa soạn đẹp đẽ. Cuối cùng, khi mở cửa, thì chàng đã đi rồi! (5:1-6). Chúng ta thường bận tâm với các nghi thức, hoặc với các ân tứ của Đức Thánh Linh mà lại khóa cửa thông công với Đấng ban cho các ân tứ thiêng liêng đó. Vì bận rộn với sự bày tỏ kỳ diệu của các ân tứ Thánh Linh, chúng ta lại quên đi Chàng Rể, là Đấng mong muốn có được mối quan hệ thân thiết với chúng ta, đang đứng chờ ở ngoài cửa.

Nàng dâu trong sách Nhã ca hiểu công việc của chàng rể: “*Vừa sớm mai, chúng ta sẽ thức dậy, đi đến vườn nho, dựng xem thử nho có nứt đọt, hoa có trở, thạch lựu có nở bông chẳng: Tại đó tôi sẽ tỏ ái tình tôi cho chàng*” (7:12). Theo như những gì Chúa Jêsus phán với Phierơ trong sách Phúc âm Giăng, chúng ta có thể bày tỏ tình yêu của mình với Chúa bằng cách quan tâm, chăm sóc, yêu thương bày chiên mà Ngài rất yêu thương (Giăng 21: 15-17).

Điều áp dụng quan trọng nhất trong sách Nhã ca này là gì? Nhã ca là ngôn ngữ của con tim nói lên cảm xúc quan trọng nhất: Tình yêu. Nó diễn tả mối quan hệ yêu thương quan trọng nhất mà chúng ta sẽ từng trải – mối quan hệ với Đấng Christ – bằng hình bóng về tình yêu của Ngài dành cho chúng ta, và sự đáp ứng của chúng ta đối với Ngài.

Để hiểu được tính chất duy nhất của tình yêu, chúng ta phải bắt đầu với tình yêu của Đức Chúa Trời. Có hai nơi trong Tân ước chúng ta có thể thấy tình yêu của Đức Chúa Trời được phân tích và bày tỏ. Trong chương nói về tình yêu của Phaolô và Giăng, tình yêu của Đức Chúa Trời được nhìn qua lăng kính của một tâm trí được thần cảm và tỏ ra ở một khía cạnh khác như một chuỗi các mỹ đức (Côrinhtô 13; IGiăng 4:7-21). Phaolô và Giăng cho chúng ta biết tình yêu của Đức Chúa Trời là: không thể diễn tả, không thể thay thế, không thể hủy diệt, vô điều kiện, hấp dẫn mạnh mẽ, đầy cảm thức, thuộc linh, bất diệt và siêu nhiên.

Khi yêu với tình yêu như vậy, chúng ta có thể yêu người phối ngẫu của mình, yêu con cái, cha mẹ, và thậm chí yêu thương cả những người rất khó yêu. Sách Nhã ca dạy rằng tình yêu chúng ta chia sẻ với Đấng Christ là tình yêu riêng tư, thân mật, độc quyền, mãnh liệt, vị tha, hỗ tương, thỏa lòng, sáng suốt, không bị đe dọa, kết quả và còn mãi đến đời đời.